IAS 39

**CÔNG CỤ TÀI CHÍNH: GHI NHẬN VÀ ĐO LƯỜNG**

Vào tháng 4 năm 2001, Hội đồng Chuẩn mực kế toán quốc tế (Hội đồng) đã áp dụng IAS 39 *Công cụ tài chính: Ghi nhận và đo lường,* trước đó được ban hành bởi Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế (IASC) vào tháng 3 năm 1999. Chuẩn mực này thay thế IAS 39 *Công cụ tài chính: Ghi nhận và đo lường* được ban hành vào tháng 12 năm 1998. Trước đó, chuẩn mực IAS 39 ban hành tháng 12 năm 1998 đã thay thế một số phần của IAS 25  *Kế toán nghiệp vụ Đầu tư,* ban hành tháng vào 03 năm 1986.

Vào tháng 12 năm 2003, Hội đồng đã ban hành một bản sửa đổi đối với IAS 39 đính kèm danh mục thảo luận ban đầu của các dự án liên quan đến chuẩn mực. Bản IAS 39 sửa đổi cũng bao gồm mục Hướng dẫn Thực hiện, thay thế danh mục các Câu hỏi & Trả lời do Ủy ban Hướng dẫn Thực hiện IAS 39.

Theo đó, Hội đồng đã có các sửa đổi IAS 39 sau:

1. trong tháng 03 năm 2004, cho phép áp dụng kế toán phòng ngừa rủi ro theo giá trị hợp lý cho phòng ngừa rủi ro lãi suất theo danh mục;
2. trong tháng 06 năm 2005, sửa đổi liên quan đến thời điểm quyền chọn giá trị hợp lý được áp dụng;
3. trong tháng 07 năm 2008, đưa ra hướng dẫn áp dụng để minh họa các nguyên tắc của kế toán phòng ngừa rủi ro;
4. trong tháng 10 năm 2008, cho phép việc phân loại lại một số tài sản tài chính; và
5. trong tháng 03 năm 2009, xử lý việc xác định giá trị một số nghiệp vụ phái sinh khi được phân loại lại.

Trong tháng 08 năm 2005, Hội đồng ban hành IFRS 7 *Công cụ tài chính: Trình bày*. Theo đó, các yêu cầu về trình bày trong IAS 39 đã được chuyển sang IFRS 7.

Các Chuẩn mực khác đã có điều chỉnh nhỏ đối với IAS 39 bao gồm IAS 1 *Trình bày báo cáo tài chính* (ban hành tháng 09 năm 2017, IAS 27 Báo cáo tài chính Hợp nhất và Riêng lẻ (ban hành tháng 01, *Cập nhật IFRS* (ban hành tháng 05 năm 2008), *Các công cụ phù hợp để phòng ngừa rủi ro* (Sửa đổi IAS 39 *Công cụ tài chính: Ghi nhận và đo lường*) (ban hành tháng 7 năm 2008), *Cập nhật IFRSs* (ban hành tháng 04 năm 2009), IFRS 13 *Đo lường giá trị hợp lý* (ban hành tháng 05 năm 2011), *Đơn vị Đầu tư* (Sửa đổi cho IFRS 10, IFRS 12 và IAS 27) (ban hành trong tháng 10 năm 2012), *Cập nhật sản phẩm phái sinh và Tiếp tục hạch toán phòng ngừa rủi ro* (Sửa đổi IAS 39) (ban hành tháng 06 năm 2013), IFRS 9 Công cụ tài chính (Hạch toán phòng ngừa rủi ro và sửa đổi IFRS 9, IFRS 7 và IAS 39) (ban hành tháng 11 năm 2013), IFRS 15 Doanh thu từ hợp đồng với khách hàng (ban hành tháng 5 năm 2014) và IFRS 9 Công cụ tài chính (ban hành tháng 7 năm 2014).

Đáp lại các yêu cầu từ các bên quan tâm đến việc sớm hoàn thiện phương thức hạch toán cho các công cụ tài chính, Hội đồng đã chia nhỏ dự án thay thế IAS 39 thành 3 giai đoạn. Khi hoàn thiện từng phần, Hội đồng phát hành các chương của IFRS 9 thay thế từng yêu cầu tương ứng của IAS 39. Hội đồng luôn giữ ý định thay thế toàn bộ IAS 39. Tuy nhiên, IFRS 9 cho phép một đơn vị được quyền lựa chọn chính sách kế toán của đơn vị mình áp dụng phương pháp hạch toán phòng ngừa rủi ro theo IFRS 9 hoặc tiếp tục sử dụng hạch toán phòng ngừa rủi ro theo IAS 39. Do đó, mặc dù IFRS 9 đã có hiệu lực (với một số ít ngoại lệ với đơn vị phát hành hợp đồng bảo hiểm và các đơn vị áp dụng chuẩn mực IFRS đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ), IAS 39 vẫn tiếp tục có hiệu lực dù chỉ còn các yêu cầu đối với hạch toán phòng ngừa rủi ro.

MỤC LỤC

Từ đoạn

**CHUẨN MỰC KẾ TOÁN QUỐC TẾ 39**

CÔNG CỤ TÀI CHÍNH: GHI NHẬN VÀ ĐO LƯỜNG

PHẠM VI 2

ĐỊNH NGHĨA 8

PHÒNG NGỪA RỦI RO 71

Công cụ phòng ngừa rủi ro 72

Khoản mục được phòng ngừa rủi ro 78

Hạch toán phòng ngừa rủi ro 85

NGÀY HIỆU LỰC VÀ CHUYỂN GIAO 103

RÚT KHỎI CÁC CHÍNH SÁCH KHÁC 109

Phụ lục

[A Hướng dẫn áp dụng](#bookmark38" \o "Current Document)

[B Sửa đổi các chính sách khác](#bookmark47)

PHÊ DUYỆT BỞI HỘI ĐỒNG SỬA ĐỔI IAS 39:

Hạch toán phòng ngừa rủi ro theo giá trị hợp lý cho phòng ngừa rủi ro lãi suất của danh mục **ban hành trong tháng Ba năm 2004**

Chuyển giao và ghi nhận ban đầu của Tài sản Tài chính và Công nợ tài chính ban hành trong tháng 10 năm 2004

Hạch toán Phòng ngừa rủi ro theo dòng tiền [của các giao dịch nột bộ dự kiến **ban hành trong**](#bookmark48)[**tháng 4 năm 2005**](#bookmark48)

[**Hợp đồng bảo lãnh tài chính** (Sửa đổi IAS 39 và IFRS 4) ban hành trong tháng 8 năm 2005](#bookmark49)

[Các khoản mục được phòng ngừa rủi ro đủ điều kiện **ban hành trong tháng 7 năm 2008**](#bookmark50)

[**Các công cụ phái sinh** (Sửa đổi IFRIC 9 và IAS 39) ban hành trong](#bookmark51) [tháng 3 năm 2009](#bookmark51)[[1]](#footnote-2)

Cập nhật công cụ phái sinh và Tiếp tục Hạch toán phòng ngừa rủi ro **(Sửa đổi IAS 39) ban hành trong tháng 6 năm 2013**

[IFRS 9 **Công cụ tài chính** (Hạch toán phòng ngừa rủi ro và Sửa đổi](#bookmark52) [IFRS 9, IFRS 7 và IAS 39) ban hành trong tháng 11 năm 2013](#bookmark52)

**CHO CÁC HƯỚNG DẪN ĐÍNH KÈM DƯỚI ĐÂY, XEM MỤC B CỦA PHIÊN BẢN NÀY**

**VÍ DỤ MINH HỌA**

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN**

**CƠ SỞ ĐƯA RA KẾT LUẬN, XEM MỤC C CỦA PHIÊN BẢN NÀY**

**CƠ SỞ ĐƯA RA KẾT LUẬN**

**CÁC BẤT ĐỒNG Ý KIẾN**

Chuẩn mực kế toán quốc tế 39 *Công cụ tài chính: Ghi nhận và Đo lường* (IAS 39) được trình bày từ đoạn 2-110 và các [Phụ lục A](#bookmark38) [và B](#bookmark47). Tất cả các đoạn có hiệu lực ngang nhau nhưng vẫn theo mẫu chuẩn mực của IASC khi được áp dụng bởi IASB. IAS 39 cần được đọc trong khuôn khổ mục đích của Chuẩn mực và Cơ sở đưa ra kết luận, Tiền đề cho Chuẩn mực kế IFRS và Khung khái niệm áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính. IAS 8 *Chính sách kế toán, Thay đổi trong Ước tính kế toán và sai sót* cung cấp cơ sở để lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán trong trường hợp thiếu các hướng dẫn cụ thể.

Chuẩn mực Kế toán quốc tế 39

Công cụ tài chính: Ghi nhận và Đo lường

1. [Đã xóa]

Phạm vi

1. Chuẩn mực này sẽ được áp dụng cho tất cả các đơn vị đối với các Công cụ tài chính thuộc phạm vi của IFRS 9 Công cụ tài chính nếu, và ở mức độ mà:
2. IFRS 9 cho phép áp dụng nguyên tắc hạch toán phòng ngừa rủi ro theo Chuẩn mực này; và
3. công cụ tài chính là một phần trong quan hệ phòng ngừa rủi ro đủ điều kiện áp dụng hạch toán phòng ngừa rủi ro theo Chuẩn mực này.

2A-7 [Đã xóa]

Các định nghĩa

1. Các khái niệm được định nghĩa trong IFRS 13, IFRS 9 và IAS 32 được sử dụng trong Chuẩn mực này theo các ý nghĩa được nêu rõ trong Phụ lục A của IFRS 13, Phụ lục A của IFRS 9 và đoạn 11 của IAS 32. IFRS 13, IFRS 9 và IAS 32 định nghĩa các khái niệm sau:
* giá trị được phân bổ của một tài sản tài chính hoặc công nợ tài chính
* dừng ghi nhận
* công cụ phái sinh
* phương pháp lãi suất thực
* lãi suất thực
* công cụ vốn
* giá trị hợp lý
* tài sản tài chính
* công cụ tài chính
* công nợ tài chính

và cung cấp các hướng dẫn đối với việc áp dụng các định nghĩa đó.

1. Các thuật ngữ sau được sử dụng trong Chuẩn mực này với ý nghĩa cụ thể:

Định nghĩa liên quan đến hạch toán phòng ngừa rủi ro

Một *cam kết chắc chắn* là một thỏa thuận mang tính ràng buộc để đổi lấy một lượng nguồn lực nhất định theo một mức giá xác định tại một hoặc nhiều thời điểm xác định trong tương lai.

*Một* giao dịch dự kiến là một giao dịch được dự kiến trong tương lai nhưng không bắt buộc.

Một công cụ phòng ngừa rủi ro là một công cụ phái sinh được chỉ định hoặc (chỉ đối với phòng ngừa rủi ro thay đổi tỷ giá hối đoái) một tài sản tài chính phi phái sinh hoặc nợ phải trả tài chính phi phái sinh được chỉ định có giá trị hợp lý hoặc dòng tiền được dự kiến sẽ bù trừ với thay đổi giá trị hợp lý hoặc dòng tiền của một khoản mục được phòng ngừa rủi ro được chỉ định (đoạn 72-77 và phụ lục A đoạn AG94-AG97 cung cấp thêm chi tiết về định nghĩa của một công cụ phòng ngừa rủi ro).

Một khoản mục được phòng ngừa rủi ro là một tài sản, công nợ, cam kết chắc chắn, [giao dịch dự kiến](#bookmark10) rất có khả năng xảy ra trong tương lai hoặc đầu tư thuần vào hoạt động nước ngoài: (a) dẫn đến việc đơn vị chịu rủi ro liên quan đến thay đổi giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai và (b) được chỉ định để phòng ngừa rủi ro (các đoạn 78-84 và Phụ lục A các đoạn AG98-AG101 cung cấp thêm định nghĩa chi tiết của khoản mục được phòng ngừa rủi ro).

Hiệu quả phòng ngừa rủi ro là mức độ mà khi các thay đổi trong giá trị hợp lý hoặc dòng tiền của khoản mục được phòng ngừa cho một loại rủi ro đã được bù trừ với các thay đổi trong giá trị hợp lý hoặc dòng tiền của một công cụ phòng ngừa rủi ro (xem Phụ lục A đoạn AG105-AG113).

10-70 [Đã xóa]

Phòng ngừa rủi ro

1. Nếu một đơn vị áp dụng IFRS 9 và không chọn chính sách kế toán là tiếp tục áp dụng các điều khoản kế toán phòng ngừa rủi ro theo Chuẩn mực này (xem đoạn 7.2.21 của IFRS 9), đơn vị đó sẽ áp dụng các điều khoản hạch toán phòng ngừa rủi ro trong Chương 6 của IFRS 9. Tuy nhiên, đối với phòng ngừa rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của một phần danh mục tài sản tài chính hoặc công nợ tài chính, đơn vị có thể, theo đoạn 6.1.3 của IFRS 9, áp dụng các điều khoản hạch toán phòng ngừa rủi ro trong Chuẩn mực này thay vì các điều khoản của IFRS 9. Trong trường hợp đó, đơn vị phải đồng thời áp dụng các điều khoản cụ thể cho phòng ngừa rủi ro theo giá trị hợp lý đối với phòng ngừa rủi ro lãi suất của danh mục (xem các đoạn 81A, 89A và AG114-AG132).

Các công cụ phòng ngừa rủi ro

Các công cụ đủ điều kiện

1. Chuẩn mực này không giới hạn các trường hợp công cụ phái sinh có thể được chỉ định là một [công cụ phòng ngừa rủi ro](#bookmark13) với điều kiện đáp ứng các yêu cầu trong đoạn 88, ngoại trừ một số quyền chọn đã được bán (xem Phụ lục A đoạn AG94). Tuy nhiên, một tài sản tài chính phi phái sinh hoặc công nợ tài chính phi phái sinh có thể được chỉ định là một công cụ phòng ngừa rủi ro chỉ với phòng ngừa rủi ro tỷ giá.
2. Với mục đích hạch toán phòng ngừa rủi ro, chỉ những công cụ có liên quan đến đơn vị bên ngoài đơn vị lập báo cáo (nghĩa là nằm ngoài tập đoàn hoặc đơn vị riêng lẻ đang được lập báo cáo) mới có thể được chỉ định là [các công cụ phòng ngừa rủi ro](#bookmark13). Mặc dù các đơn vị riêng lẻ trong một tập đoàn hợp nhất hoặc các bộ phận trong một đơn vị có thể tham gia các giao dịch phòng ngừa rủi ro với các đơn vị khác trong tập đoàn hoặc bộ phận khác trong đơn vị, các giao dịch nội bộ như vậy sẽ bị loại trừ trong báo cáo hợp nhất. Do đó, các giao dịch phòng ngừa rủi ro đó sẽ không đủ điều kiện để áp dụng hạch toán phòng ngừa rủi ro trong báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, các giao dịch này có thể đủ điều kiện để hạch toán phòng ngừa rủi ro cho báo cáo tài chính đơn lẻ hoặc riêng của các đơn vị đơn lẻ trong tập đoàn với điều kiện đối tượng là đối tượng bên ngoài đơn vị đang được lập báo cáo.

**Chỉ định các công cụ phòng ngừa rủi ro**

Thông thường về tổng thể, sẽ chỉ có một phương pháp xác định giá trị hợp lý được xác định cho một [công cụ phòng ngừa rủi ro](#bookmark13), và các yếu tố làm thay đổi giá trị hợp lý thường phụ thuộc lẫn nhau. Do đó, một quan hệ phòng ngừa rủi ro sẽ được đơn vị chỉ định cho một công cụ phòng ngừa rủi ro. Các ngoại lệ duy nhất được cho phép là:

1. tách biệt giữa giá trị nội tại và giá trị thời gian của hợp đồng quyền chọn và chỉ định là công cụ phòng ngừa rủi ro chỉ đối với thay đổi trong giá trị nội tại của hợp đồng quyền chọn và loại trừ phần thay đổi trong giá trị thời gian; và
2. tách biệt yếu tố lãi suất và giá giao ngay của một hợp đồng kỳ hạn.

Các ngoại lệ này được cho phép bởi giá trị nội tại của quyền chọn và giá của hợp đồng kỳ hạn có thể thường được xác định độc lập. Một kế hoạch phòng ngừa rủi ro linh hoạt đánh giá cả giá trị nội tại và giá trị thời gian của một hợp đồng quyền chọn có thể hợp lệ để kế toán phòng ngừa rủi ro.

Một phần của [công cụ phòng ngừa rủi ro](#bookmark13), ví dụ 50 phần trăm giá trị danh nghĩa, có thể được chỉ định là công cụ phòng ngừa rủi ro trong một quan hệ phòng ngừa rủi ro. Tuy nhiên, một quan hệ phòng ngừa rủi ro có thể không được chỉ định cho chỉ một phần trong khoảng thời gian một công cụ phòng ngừa rủi ro còn hiệu lực.

75

Một [công cụ phòng ngừa rủi ro](#bookmark13) đơn lẻ có thể được chỉ định như là một công cụ phòng ngừa rủi ro của một hoặc một số loại rủi ro với điều kiện (a) các rủi ro được phòng ngừa được định nghĩa rõ ràng; (b) hiệu quả của phòng ngừa rủi ro có thể được chứng minh; và (c) có thể đảm bảo rằng có một chỉ định cụ thể của công cụ phòng ngừa rủi ro và các trạng thái rủi ro khác nhau.

76

Hai hoặc nhiều hơn hai công cụ phái sinh, hoặc một phần của các công cụ phái sinh đó (hoặc, trong trường hợp phòng ngừa rủi ro tỷ giá, hai hoặc nhiều hơn hai hoặc một phần của các công cụ phi phái sinh, hoặc một tổ hợp hoặc tổ hợp một phần công cụ phái sinh và phi phái sinh), có thể xem xét là tổ hợp và cùng được chỉ định là [công cụ phòng ngừa rủi ro](#bookmark13), bao gồm khi các rủi ro từ các công cụ tài chính này cấn trừ với rủi ro từ các công cụ phái sinh khác. Tuy nhiên, một hợp đồng quyền chọn lãi suất trần sàn (“interest rate collar”) hoặc các công cụ tài chính phái sinh khác kết hợp giữa quyền chọn đã được bán và quyền chọn đã được mua sẽ không hợp lệ để được coi là một công cụ phòng ngừa rủi ro nếu nó, khi có hiệu lực, là một quyền chọn đã được bán ròng (khi chỉ có phần chênh lệch dương thuần được nhận về). Tương tự, hai hoặc nhiều hơn hai công cụ (hoặc một phần các công cụ đó) có thể được chỉ định là công cụ phòng ngừa rủi ro khi không có công cụ nào là một quyền chọn đã được bán hoặc một quyền chọn đã được bán ròng.

77

Các khoản mục được phòng ngừa rủi ro

Các khoản mục đủ điều kiện

Một [khoản mục được phòng ngừa rủi ro](#bookmark12) có thể là một tài sản hoặc công nợ đã được ghi nhận, một cam kết chắc chắn chưa được ghi nhận, một [giao dịch dự kiến](#bookmark10) rất có khả năng xảy ra trong tương lai hoặc một khoản đầu tư thuần vào hoạt động nước ngoài. Khoản mục được phòng ngừa rủi ro có thể (a) một tài sản, công nợ, cam kết chắc chắn, giao dịch dự kiến hoặc đầu tư thuần vào hoạt động nước ngoài, (b) một nhóm tài sản, công nợ, cam kết chắc chắn, các các giao dịch dự kiến có khả năng cao hoặc khoản đầu tư thuần vào hoạt động nước ngoài với các đặc tính rủi ro tương tự hoặc (c) trong một danh mục chỉ phòng ngừa rủi ro lãi suất, một phần của danh mục các tài sản tài chính hoặc công nợ tài chính có cùng rủi ro được phòng ngừa.

78

[Đã xóa]

79

80

Cho mục đích hạch toán phòng ngừa rủi ro, chỉ các tài sản, công nợ, cam kết chắc chắn hoặc các giao dịch dự kiến có khả năng cao liên quan đến đơn vị bên ngoài có thể được chỉ định là [các khoản mục được phòng ngừa rủi ro](#bookmark12). Hạch toán phòng ngừa rủi ro có thể được áp dụng cho giao dịch giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn chỉ trong báo cáo tài chính riêng hoặc đơn lẻ của các đơn vị đó và không trong báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn, trừ trường hợp báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị đầu tư, như định nghĩa tại IFRS 10, trong trường hợp đó các giao dịch giữa đơn vị đầu tư và công ty con được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo lãi hoặc lỗ sẽ không được loại trừ trong báo cáo tài chính hợp nhất. Như là một ngoại lệ, rủi ro tỷ giá của một nhóm các khoản mục tiền tệ nội bộ (ví dụ một khoản phải trả/phải thu giữa hai công ty con) có thể đủ điều kiện ghi nhận là khoản mục được phòng ngừa rủi ro trong báo cáo tài chính hợp nhất nếu rủi ro liên quan đến một khoản mục lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá chưa được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất theo IAS 21 *Ảnh hưởng của Thay đổi Tỷ giá hối đoái*. Theo IAS 21, lãi và lỗ từ chênh lệch tỷ giá của các khoản mục tiền tệ nội bộ trong cùng một tập đoàn sẽ không được loại trừ hoàn toàn trong quá trình hợp nhất khi các khoản mục tiền tệ nội bộ trong nhóm này được giao dịch giữa hai đơn vị trong tập đoàn có đồng tiền chức năng khác nhau. Bên cạnh đó, rủi ro tỷ giá của một giao dịch nội bộ trong nhóm có khả năng cao có thể đủ điều kiện là khoản mục được phòng ngừa rủi ro trong báo cáo tài chính hợp nhất với điều kiện giao dịch được thực hiện bằng đồng tiền không phải là đồng tiền chức năng của đơn vị tham gia giao dịch và rủi ro tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến báo cáo lãi hoặc lỗ hợp nhất.

Chỉ định các khoản mục tài chính là các khoản mục được phòng ngừa rủi ro

Khi [khoản mục được phòng ngừa rủi ro](#bookmark12) là một tài sản tài chính hoặc công nợ tài chính, khoản mục đó có thể là một khoản mục được phòng ngừa đối với các rủi ro liên quan đến chỉ một phần dòng tiền hoặc giá trị hợp lý của khoản mục đó (như là một hoặc nhiều hơn các dòng tiền tiền theo hợp đồng được lựa chọn hoặc một phần của dòng tiền hoặc theo một tỷ lệ phần trăm nhất định tính trên giá trị hợp lý) với điều kiện là tính hiệu quả có thể đo lường được. Ví dụ, một phần rủi ro lãi suất có thể xác định và đo lường độc lập của một tài sản có lãi suất hoặc công nợ mang lãi suất có thể được chỉ định cấu phần là một rủi ro được phòng ngừa (như là một lãi suất phi rủi ro hoặc bộ phận lãi suất tham chiếu trong tổng thể rủi ro lãi suất của công cụ tài chính đã được phòng ngừa rủi ro).

81

Trong một giao dịch phòng ngừa rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của một danh mục tài sản tài chính hoặc công nợ tài chính (và chỉ trong giao dịch phòng ngừa rủi ro đó), một phần được phòng ngừa rủi ro có thể được chỉ định đối với một lượng tiền tệ (ví dụ một lượng tiền bằng đồng đô la, đồng euro, bảng Anh hoặc đồng rand) thay vì một tài sản (hoặc công nợ) riêng lẻ. Mặc dù danh mục đó có thể, cho mục đích quản trị rủi ro, bao gồm tài sản và công nợ, giá trị được chỉ định là giá trị các các tài sản hoặc giá trị công nợ. Chỉ định không được áp dụng cho giá trị ròng bao gồm các tài sản và các công nợ. Đơn vị có thể phòng ngừa rủi ro một phần của rủi ro lãi suất liên quan đến giá trị chỉ định. Ví dụ, trường hợp phòng ngừa rủi ro đối với một danh mục bao gồm các tài sản có thể trả trước, đơn vị có thể phòng ngừa rủi ro thay đổi trong giá trị hợp lý do thay đổi trong lãi suất trên cơ sở kỳ vọng, thay vì theo ngày hợp đồng và ngày đánh giá lại. Khi mà phần được phòng ngừa rủi ro được dựa trên ngày đánh giá lại dự kiến, ảnh hưởng của thay đổi trong lãi suất đã được phòng ngừa rủi ro tại những ngày đánh giá lại kỳ vọng đó sẽ được đưa vào để tính khi xác định thay đổi trong giá trị hợp lý của the [khoản mục được phòng ngừa rủi ro](#bookmark12). Theo đó, nếu một danh mục bao gồm các khoản mục có thể trả trước được phòng ngừa rủi ro với một công cụ phái sinh không thể trả trước, việc phòng ngừa sẽ thiếu hiệu quả nếu việc trả trước các khoản mục trong danh sách phòng ngừa rủi ro được điều chỉnh, hoặc ngày trả trước thực tế sẽ khác với điều chỉnh.

Chỉ định các khoản mục phi tài chính là các khoản mục được phòng ngừa rủi ro

Nếu [khoản mục được phòng ngừa rủi ro](#bookmark12) là một tài sản phi tài chính hoặc công nợ phi tài chính, khoản mục đó sẽ được chỉ định là một khoản mục được phòng ngừa rủi ro (a) cho rủi ro tỷ giá, hoặc (b) cho toàn bộ các rủi ro, do khó khăn trong phân tách và đo lường các cấu phần phù hợp của các dòng tiền hoặc sự thay đổi trong giá trị hợp lý bởi các rủi ro cụ thể ngoại trừ rủi ro tỳ giá.

**82**

83

84

Chỉ định một nhóm các khoản mục là các khoản mục được phòng ngừa rủi ro

Các tài sản tương tự hoặc các công nợ tương tự sẽ được cộng gộp và phòng ngừa rủi ro như một nhóm chỉ khi các tài sản đơn lẻ hoặc các công nợ đơn lẻ trong nhóm chia sẻ rủi ro được chỉ định là đã được phòng ngừa. Ngoài ra, thay đổi trong giá trị hợp lý do rủi ro được phòng ngừa của từng khoản mục trong nhóm dự kiến sẽ có tỷ lệ tương tứng với tổng thể thay đổi về giá trị hợp lý do rủi ro được phòng ngừa của nhóm các khoản mục.

Bởi vì một đơn vị đánh giá [hiệu quả phòng ngừa rủi ro](#bookmark14) bằng cách so sánh thay đổi về giá trị hợp lý hoặc dòng tiền của một [công cụ phòng ngừa rủi ro](#bookmark13) (hoặc nhóm các công cụ phòng ngừa rủi ro tương tự) và một [khoản mục được phòng ngừa rủi ro](#bookmark12) (hoặc nhóm các khoản mục được phòng ngừa rủi ro tương tự), việc so sánh một công cụ phòng ngừa rủi ro với tổng thể giá trị ròng (ví dụ giá trị ròng của các tài sản và các công nợ có lãi suất cố định và thời điểm đáo hạn tương tự), thay vì với một khoản mục cụ thể được phòng ngừa rủi ro là không đủ điều kiện để hạch toán phòng ngừa rủi ro.

 Kế toán phòng ngừa rủi ro

 Kế toán phòng ngừa rủi ro ghi nhận ảnh hưởng bù trừ lên báo cáo lãi hoặc lỗ của thay đổi về giá trị hợp lý của [công cụ phòng ngừa rủi ro](#bookmark13) và [khoản mục được phòng ngừa rủi ro](#bookmark12).

1. Các quan hệ phòng ngừa rủi ro nằm trong ba nhóm:
2. Phòng ngừa rủi ro theo giá trị hợp lý: phòng ngừa rủi ro sự thay đổi trong giá trị hợp lý của một tài sản hoặc công nợ đã được ghi nhận hoặc một cam kết chắc chắn chưa được ghi nhận, hoặc một phần xác định của một tài sản, công nợ hoặc cam kết chắc chắn, phát sinh do một rủi ro xác định và có ảnh hưởng lên báo cáo lãi hoặc lỗ.
3. Phòng ngừa rủi ro theo dòng tiền: phòng ngừa rủi ro cho các biến động trong các dòng tiền mà (i) bị gây ra bởi một rủi ro cụ thể liên quan đến tài sản hoặc công nợ đã được ghi nhận (ví dụ tất cả hoặc một số khoản trả lãi trong tương lại của trái phiếu lãi suất thả nổi) hoặc một giao dịch dự báo có khả năng xảy ra trong tương lai và (ii) có thể ảnh hưởng đến báo cáo lãi hoặc lỗ.
4. Phòng ngừa rủi ro cho đầu tư thuần vào hoạt động nước ngoài như trình bày tại IAS 21.
5. Phòng ngừa rủi ro tỷ giá cho một cam kết chắc chắn được ghi nhận theo phòng ngừa rủi ro theo giá trị hợp lý hoặc phòng ngừa rủi ro theo dòng tiền.
6. Một quan hệ phòng ngừa rủi ro đủ điều kiện để kế toán phòng ngừa rủi ro theo hướng dẫn tại các đoạn 89-102 khi, và chỉ khi, mọi điều kiện sau được thỏa mãn.
7. Tại ngày bắt đầu phòng ngừa rủi ro, đơn vị có một chỉ định và tài liệu chính thức về mối quan hệ phòng ngừa rủi ro cũng như mục tiêu và chiến lược quản lý rủi ro khi thực hiện phòng ngừa rủi ro của đơn vị. Tài liệu đó sẽ bao gồm nhận diện công cụ phòng ngừa rủi ro, [khoản mục hoặc giao dịch được phòng ngừa rủi ro](#bookmark12), bản chất rủi ro được phòng ngừa và cách thức đơn vị đánh giá hiệu quả phòng ngừa rủi ro của công cụ trong việc giảm thiểu ảnh hưởng từ sự thay đổi trong giá trị hợp lý hoặc dòng tiền của khoản mục được phòng ngừa rủi ro do rủi ro được phòng ngừa.
8. Phòng ngừa rủi ro được kỳ vọng là có hiệu quả cao (xem Phụ lục A các đoạn AG105-AG113A) trong việc giảm thiểu thay đổi về
9. giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền do rủi ro được phòng ngừa, thống nhất với chiến lược quản lý rủi ro được thiết lập ban đầu cho quan hệ phòng ngừa rủi ro cụ thể đó.
10. Đối với phòng ngừa rủi ro theo dòng tiền, một [giao dịch dự kiến](#bookmark10) là đối tượng của phòng ngừa rủi ro phải có khả năng cao và phải cho thấy việc chịu ảnh hưởng từ sự biến thiên trong các dòng tiền có thể ảnh hưởng đến báo cáo lãi hoặc lỗ.
11. Hiệu quả của phòng ngừa rủi ro có thể được đo lường một cách đáng tin cậy, tức là giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền của khoản mục được phòng ngừa rủi ro do rủi ro được phòng ngừa và giá trị hợp lý của công cụ phòng ngừa rủi ro có thể đo lường được một cách đáng tin cậy.
12. Phòng ngừa rủi ro được đánh giá trên cơ sở liên tục và được xác định thực tế là có hiệu quả cao trong kỳ báo cáo mà phòng ngừa rủi ro được chỉ định.

Phòng ngừa rủi ro theo giá trị hợp lý

Phòng ngừa rủi ro theo giá trị hợp lý thỏa mãn các điều kiện trong đoạn 88 trong kỳ sẽ được hạch toán như sau:

1. lãi hoặc lỗ từ đánh giá lại [công cụ phòng ngừa rủi ro](#bookmark13) theo giá trị hợp lý (đối với công cụ phòng ngừa rủi ro phái sinh) hoặc hợp phần ngoại tệ của giá trị ghi sổ đo lường theo IAS 21 (đối với công cụ phòng ngừa rủi ro phi phái sinh) sẽ được ghi nhận trong báo cáo lãi hoặc lỗ; và
2. lãi hoặc lỗ từ khoản mục được phòng ngừa rủi ro do rủi ro được phòng ngừa sẽ điều chỉnh giá trị ghi sổ của khoản mục được phòng ngừa rủi ro và được ghi nhận trong báo cáo lãi hoặc lỗ. Điều này được áp dụng nếu khoản mục được phòng ngừa rủi ro được ghi nhận theo nguyên giá. Ghi nhận lãi hoặc lỗ do rủi ro được phòng ngừa trong báo cáo lãi hoặc lỗ được áp dụng nếu khoản mục được phòng ngừa rủi ro là một tài sản tài chính được đo lường theo giá trị hợp lý thông qua thu nhập toàn diện khác theo đoạn 4.1.2A của IFRS 9.

Đối với một phòng ngừa rủi ro theo giá trị hợp lý của rủi ro lãi suất ròng của một phần danh mục tài sản tài chính hoặc công nợ tài chính (và chỉ trong phòng ngừa rủi ro đó), các yêu cầu của đoạn 89(b) có thể được đáp ứng bằng cách trình bày lãi hoặc lỗ liên quan đến khoản mục được phòng ngừa rủi ro:

89A

1. thành một dòng riêng biệt trong mục tài sản, đối với các kỳ đánh giá lại mà [khoản mục được phòng ngừa rủi ro](#bookmark12) là một tài sản; hoặc
2. thành một dòng riêng biệt trong mục công nợ, đối với các kỳ đánh giá lại mà [khoản mục được phòng ngừa rủi ro](#bookmark12) là một công nợ.

Các dòng riêng biệt được nhắc tới trong (a) và (b) ở trên sẽ được trình bày bên cạnh các tài sản tài chính hoặc các công nợ tài chính. Giá trị được gộp trong các dòng này sẽ không được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính khi các tài sản hoặc các công nợ liên quan đã dừng ghi nhận.

Chỉ khi các rủi ro được xác định liên quan đến [khoản mục được phòng ngừa rủi ro](#bookmark12) đã được phòng ngừa rủi ro, sự thay đổi trong giá trị hợp lý đã được ghi nhận của khoản mục được phòng ngừa rủi ro không liên quan đến rủi ro được phòng ngừa sẽ được ghi nhận theo đoạn 5.7.1 của IFRS 9.

90

Một đơn vị sẽ dừng việc hạch toán phòng ngừa rủi ro được nêu trong đoạn 89 nếu:

91

1. [công cụ phòng ngừa rủi ro](#bookmark13) đã hết hiệu lực hoặc bán, hủy bỏ hoặc sử dụng. Cho mục đích này, sự thay thế hoặc gia hạn một công cụ phòng ngừa rủi ro thành một công cụ phòng ngừa rủi ro khác không phải là sự hết hiệu lực hay gia hạn nếu sự thay thế hoặc tiếp tục sử dụng đó là một phần của chiến lược quản lý rủi ro đã được đưa vào văn bản của đơn vị. Bên cạnh đó, cho mục đích này, sẽ không có sự hết hiệu lực hoặc chấm dứt nếu:
2. do hệ quả của luật hoặc các quy định hoặc dự thảo luật hoặc quy định, các bên có liên quan đến công cụ phòng ngừa rủi ro đồng ý rằng một hoặc nhiều đối tác thanh toàn bù trừ thay thế đối tác ban đầu để trở thành đối tác mới của mỗi bên. Cho mục đích này, đối tác thanh toán bù trừ là một đối tác trung tâm (thường gọi là một “tổ chức thanh toán bù trừ” hoặc “đại lí thanh toán bù trừ”) hoặc một hoặc nhiều đơn vị, ví dụ, một thành viên thanh toán bù trừ của một tổ chức trung gian hoặc một khách hàng của thành viên thanh toán bù trừ của một tổ chức thanh toán bù trừ, đóng vai trò là đối tác để thực hiện trung gian bởi một đối tác trung tâm. Tuy nhiên, khi các bên có liên quan đến công cụ phòng ngừa rủi ro thay thế đối tác ban đầu với đối tác khác, những hướng dẫn trong đoạn này chỉ áp dụng khi mà từng bên thực hiện với cùng một đối tác trung tâm.
3. các thay đổi khác, nếu có, đến công cụ phòng ngừa rủi ro được giới hạn trong các thay đổi cần thiết để thực hiện thay đổi đối tác. Những thay đổi đó được giới hạn trong các thay đổi thống nhất với các điều khoản được dự kiến nếu công cụ phòng ngừa rủi ro ban đầu được thực hiện bù trừ với các đối tác thanh toán. Những thay đổi này bao gồm thay đổi trong yêu cầu tài sản bảo đảm, quyền cấn trừ phải thu và phải trả và các phí bắt buộc.
4. phòng ngừa rủi ro không còn thỏa mãn điều kiện kế toán phòng ngừa rủi ro trong đoạn 88; hoặc
5. đơn vị thu hồi việc chỉ định.

92

Bất kỳ điều chỉnh nào phát sinh từ [đoạn 89(b)](#bookmark27) đối với giá trị ghi sổ của công cụ tài chính được phòng ngừa rủi ro sử dụng phương pháp lãi suất hiệu lực (hoặc, trong trường hợp một danh mục phòng ngừa rủi ro lãi suất, đối với dòng riêng biệt trên báo cáo tình hình tài chính được mô tả trong đoạn 89A) sẽ được phân bổ vào báo cáo lãi hoặc lỗ. Việc phân bổ có thể bắt đầu ngay khi có điều chỉnh và sẽ không bắt đầu muộn hơn thời điểm mà [khoản mục được phòng ngừa rủi ro](#bookmark12) ngừng điều chỉnh do những thay đổi trong giá trị hợp lý do rủi ro được phòng ngừa. Sự điều chỉnh được dựa trên lãi suất hiệu lực được tính toán lại tại ngày bắt đầu phân bổ. Tuy nhiên, nếu, trong trường hợp phòng ngừa rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của một danh mục tài sản tài chính hoặc công nợ tài chính (và chỉ trong phòng ngừa rủi ro đó), phân bổ sử dụng lãi suất thực được tính toán lại không còn thực tiễn, sự điều chỉnh sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng. Điều chỉnh sẽ được phân bổ đầy đủ theo kỳ hạn của công cụ tài chính hoặc, trong trường hợp của một danh mục phòng ngừa rủi ro lãi suất, đến khi hết hiệu lực của kỳ đánh giá lại liên quan.

Khi một cam kết chắc chắn chưa được ghi nhận được chỉ định là một [khoản mục được phòng ngừa rủi ro](#bookmark12), phần thay đổi lũy kế sau đó trong giá trị hợp lý của cam kết chắc chắn liên quan đến rủi ro được phòng ngừa sẽ được ghi nhận là một tài sản hoặc công nợ với lãi hoặc lỗ ghi nhận trong báo cáo lãi hoặc lỗ (xem đoạn 89(b)). Thay đổi trong giá trị hợp lý của [công cụ phòng ngừa rủi ro cũng](#bookmark13) được ghi nhận trong báo cáo lãi hoặc lỗ.

93

Khi đơn vị tham gia một [cam kết chắc chắn](#bookmark9) để mua một tài sản hoặc giả sử một khoản công nợ là một [khoản mục được phòng ngừa rủi ro](#bookmark12) trong phòng ngừa rủi ro theo giá trị hợp lý, thì giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản hoặc công nợ mà là hệ quả của việc đơn vị đáp ứng cam kết chắc chắn được điều chỉnh vào thay đổi lũy kế trong giá trị hợp lý của cam kết chắc chắn do rủi ro được phòng ngừa đã được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính.

Phòng ngừa rủi ro theo dòng tiền

Phòng ngừa rủi ro theo dòng tiền thỏa mãn các điều kiện trong đoạn 88 trong kỳ sẽ được kế toán như sau:

95

96

97

1. phần lãi hoặc lỗ của [công cụ phòng ngừa rủi ro](#bookmark13) được xác định là một phòng ngừa rủi ro hiệu quả (xem đoạn 88) sẽ được ghi nhận trong thu nhập toàn diện khác; và
2. phần không hiệu quả trong lãi hoặc lỗ từ công cụ phòng ngừa rủi ro sẽ được ghi nhận trong lãi hoặc lỗ.

Cụ thể hơn nữa, phòng ngừa rủi ro theo dòng tiền sẽ được hạch toán như sau:

1. cấu phần riêng lẻ của công cụ vốn liên quan đến [khoản mục được phòng ngừa rủi ro](#bookmark12) sẽ được điều chỉnh theo giá trị thấp hơn giữa (trên cơ sở giá trị tuyệt đối):
2. lãi hoặc lỗ lũy kế từ [công cụ phòng ngừa rủi ro](#bookmark13) từ ngày bắt đầu phòng ngừa rủi ro; và
3. thay đổi lũy kế trong giá trị hợp lý (giá trị hiện tại) của các dòng tiền trong tương lại dự kiến từ khoản mục được phòng ngừa rủi ro từ ngày bắt đầu phòng rủi ro;
4. bất kỳ các khoản lãi hoặc lỗ còn lại từ công cụ phòng ngừa rủi ro hoặc cấu phần được chỉ định (đối với phòng ngừa rủi ro không hiệu quả) sẽ được ghi nhận trong báo cáo lãi hoặc lỗ; và
5. nếu chiến lược quản trị rủi ro đã được đưa vào văn bản của đơn vị cho một quan hệ phòng ngừa rủi ro cụ thể không bao gồm việc đánh giá hiệu quả phòng ngừa rủi ro của một cấu phần cụ thể của lãi hoặc lỗ hoặc các dòng tiền liên quan từ công cụ phòng ngừa rủi ro (xem các đoạn 74, 75 và 88(a)), cầu phần không được bao gồm đó trong lãi hoặc lỗ sẽ được ghi nhận theo đoạn 5.7.1 của IFRS 9.

Nếu phòng ngừa rủi ro của một [giao dịch dự kiến](#bookmark10) dẫn đến việc ghi nhận một tài sản tài chính hoặc một công nợ tài chính, các lãi hoặc lỗ liên quan được ghi nhận trong thu nhập toàn diện khác theo đoạn 95 sẽ được phân loại lại từ nguồn vốn sang báo cáo lãi hoặc lỗ như là một điều chỉnh do tái phân loại lại (xem IAS 1 (như được sửa đổi năm 2007)) trong cùng thời kỳ hoặc các thời kỳ mà các dòng tiền dự báo được phòng ngừa rủi ro ảnh hưởng đến báo cáo lãi hoặc lỗ (như là trong các kỳ mà doanh thu lãi hoặc chi phí lãi được ghi nhận). Tuy nhiên, nếu một đơn vị kỳ vọng rằng tất cả hoặc một phần của khoản lỗ được ghi nhận trong thu nhập toàn diện khác sẽ không được thu hồi trong một hoặc nhiều kỳ trong tương lai, khoản lỗ đó sẽ được phân loại lại vào báo cáo lãi hoặc lỗ như là một khoản điều chỉnh do tái phân loại lại giá trị không kỳ vọng có thể thu hồi được.

Nếu phòng ngừa rủi ro của một [giao dịch dự kiến](#bookmark10) dẫn đến việc ghi nhận một tài sản phi tài chính hoặc một công nợ phi tài chính, hoặc một giao dịch dự kiến cho một tài sản phi tài chính hoặc công nợ phi tài chính trở thành một cam kết chắc chắn mà giá trị hợp lý hạch toán phòng ngừa rủi ro được áp dụng, đơn vị sẽ áp dụng mục (a) hoặc (b) sau:

98

1. đơn vị phân loại lại lãi và lỗ liên quan được ghi nhận trong thu nhập toàn diện khác theo đoạn 95 sang báo cáo lãi hoặc lỗ như một điều chỉnh do tái phân loại lại (xem IAS 1 (sửa đổi năm 2007)) trong cùng kỳ hoặc các kỳ mà tài sản được mua hoặc công nợ được giả định ảnh hưởng đến báo cáo lãi hoặc lỗ (ví dụ trong các kỳ mà chi phí khấu hao hoặc giá vốn được ghi nhận). Tuy nhiên, nếu đơn vị kỳ vọng rằng toàn bộ hoặc một phần của một khoản lỗ ghi nhận trong thu nhập toàn diện khác sẽ không thể thu hồi được trong một hoặc nhiều kỳ trong tương lai, đơn vị sẽ phân loại lại từ nguồn vốn sang báo cáo lãi hoặc lỗ như một điều chỉnh do tái phân loại lại giá trị kỳ vọng rằng không thể thu hồi được.
2. Đơn vị loại bỏ phần lãi và lỗ liên quan được ghi nhận trong thu nhập toàn diện khác theo đoạn 95, và cộng gộp chúng vào nguyên giá ban đầu hoặc giá trị ghi sổ khác của tài sản hoặc công nợ.

99

Đơn vị sẽ áp dụng (a) hoặc (b) trong đoạn 98 như là chính sách kế toán của đơn vị và sẽ áp dụng nó thống nhất với mọi phòng ngừa rủi ro liên quan đến đoạn 98.

100

Đối với phòng ngừa rủi ro theo dòng tiền khác với các khoản được mô tả tại các đoạn 97 và 98, giá trị đã được ghi nhận trong thu nhập toàn diện khác sẽ được phân loại lại từ nguồn vốn sang báo cáo lãi hoặc lỗ như một điều chỉnh do tái phân loại (xem IAS 1 (sửa đổi năm 2007)) trong cùng kỳ hoặc các kỳ mà các dòng tiền dự báo được phòng ngừa rủi ro có ảnh hưởng đến báo cáo lãi hoặc lỗ (ví dụ, khi một doanh thu dự kiến phát sinh).

101

Trong bất kỳ trường hợp nào dưới đây, đơn vị sẽ tiếp tục kế toán phòng ngừa rủi ro được xác định trong các đoạn 95-100:

1. [Công cụ phòng ngừa rủi ro](#bookmark13) hết hiệu lực hoặc đã bán, hủy bỏ hoặc được thực hiện. Trong trường hợp này, lãi và lỗ lũy kế từ công cụ phòng ngừa rủi ro đã được ghi nhận trong thu nhập toàn diện khác trong kỳ mà phòng ngừa rủi ro có hiệu lực (xem đoạn 95(a)) sẽ tiếp tục ghi nhận tại nguồn vốn cho đến khi [giao dịch dự kiến](#bookmark10) diễn ra. Khi giao dịch diễn ra, đoạn 97, 98 hoặc 100 được áp dụng. Cho mục đích của đoạn này, sự thay thế hoặc tiếp tục sử dụng một công cụ phòng ngừa rủi ro sang một công cụ phòng ngừa rủi ro khác không phải là sự hết hiệu lực hoặc hủy bỏ nếu sự thay đổi và tiếp tục sử dụng đó là một phần của chiến lược quản trị rủi ro đã được đưa vào văn bản của đơn vị. Bên cạnh đó, cho mục tiêu của đoạn này, sẽ không có sự hết hiệu lực hoặc hủy bỏ công cụ phòng ngừa rủi ro nếu:
2. là hệ quả của luật hoặc quy định hoặc dự thảo luật và quy định, các bên của công cụ phòng ngừa rủi ro đồng ý rằng một hoặc nhiều hơn một đơn vị trung gian thay thế đối tác ban đầu của họ để trở thành đối tác mới của mỗi bên. Cho mục đích này, một đối tác trung gian là một đối tác trung tâm (thường được gọi là một ‘tổ chức trung gian' hoặc ‘đơn vị trung gian') hoặc một đơn vị hoặc các đơn vị, ví dụ, một thành viên trung gian của một tổ chức trung gian hoặc khách hàng của một thành viên trung gian của một tổ chức trung gian, đang đóng vai trò như đối tác để thực hiện trung gian bởi đối tác trung tâm. Tuy nhiên, khi các bên của công cụ phòng ngừa rủi ro thay thế đối tác ban đầu với các đối tác khác thì đoạn này chỉ áp dụng khi mỗi bên thực hiện trung gian giao dịch với cùng một đối tác trung tâm.
3. các thay đổi khác, nếu có, đến công cụ phòng ngừa rủi ro được giới hạn trong các thay đổi cần phải thực hiện thay đổi đối tác. Những thay đổi đó được giới hạn trong các thay đổi thống nhất có thể kỳ vọng nếu công cụ phòng ngừa rủi ro ban đầu được thực hiện trung gian giao dịch bởi đối tác trung gian. Những thay đổi này bao gồm thay đổi trong yêu cầu tài sản bảo đảm, quyền cấn trừ phải thu và phải trả và các phí bắt buộc.
4. Phòng ngừa rủi ro không còn đáp ứng yêu cầu cho hạch toán phòng ngừa rủi ro trong đoạn 88. Trong trường hợp này, lãi hoặc lỗ lũy kế của công cụ phòng ngừa rủi ro đã được ghi nhận trong thu nhập toàn diện khác từ thời điểm phòng ngừa rủi ro có hiệu lực (xem đoạn 95(a)) sẽ tiếp tục được ghi nhận riêng biệt trong nguồn vốn cho đến khi giao dịch được thực hiện, đoạn 97, 98 hoặc 100 sẽ được áp dụng.
5. Với các giao dịch dự kiến không còn kỳ vọng sẽ xảy ra, lãi và lỗ lũy kế liên quan đến công cụ phòng ngừa rủi ro đã được ghi nhận trong thu nhập toàn diện khác từ thời điểm phòng ngừa rủi ro có hiệu lực (xem đoạn 95(a)) sẽ được phân loại lại từ giá vốn vào báo cáo lãi hoặc lỗ như một điều chỉnh do tái phân loại . Một giao dịch dự kiến không có khả năng cao (xem đoạn 88(c)) có thể vẫn được kỳ vọng là sẽ xảy ra.
6. Đơn vị bác bỏ chỉ định. Đối với phòng ngừa rủi ro giao dịch dự kiến, lãi hoặc lỗ lũy kế từ công cụ phòng ngừa rủi ro đã được ghi nhận trong thu nhập toàn diện khác từ thời điểm phòng ngừa rủi ro có hiệu lực (xem đoạn 95(a)) sẽ tiếp tục được ghi nhận như 1 dòng riêng biệt trong nguồn vốn cho đến khi giao dịch đó diễn ra hoặc không còn kỳ vọng sẽ diễn ra. Khi giao dịch diễn ra, đoạn 97, 98 hoặc 100 sẽ được áp dụng. Nếu giao dịch không còn kỳ vọng sẽ xảy ra, lãi hoặc lỗ lũy kế được ghi nhận trong thu nhập toàn diện khác sẽ được phân loại lại từ nguồn vốn sang báo cáo lãi hoặc lỗ như một điều chỉnh do tái phân loại .

Phòng ngừa rủi ro khoản đầu tư thuần

1. Phòng ngừa rủi ro của một khoản đầu tư thuần vào hoạt động nước ngoài, bao gồm phòng ngừa rủi ro của các khoản mục tiền tệ tạo nên một phần của khoản đầu tư thuần (xem IAS 21), sẽ được hạch toán tương tự với phòng ngừa rủi ro theo dòng tiền:
2. phần lãi hoặc lỗ từ [công cụ phòng ngừa rủi ro](#bookmark13) được xác định là phòng ngừa rủi ro hiệu quả (xem đoạn 88) sẽ được ghi nhận trong thu nhập toàn diện khác; và
3. phần không hiệu quả sẽ được ghi nhận trong báo cáo lãi hoặc lỗ.

Lãi hoặc lỗ từ công cụ phòng ngừa rủi ro liên quan đến phần phòng ngừa rủi ro hiệu quả đã được ghi nhận trong thu nhập toàn diện khác sẽ được phân loại lại từ nguồn vốn sang báo cáo lãi hoặc lỗ như một điều chỉnh do tái phân loại (xem IAS 1 (sửa đổi năm 2007)) theo các đoạn 48-49 của IAS 21 về việc thanh lý hoặc thanh lý một phần của hoạt động ngoài nước.

**Ngày hiệu lực và chuyển đổi**

103 Một đơn vị sẽ áp dụng chuẩn mực này (bao gồm cả các thay đổi ban hành tháng 3 năm 2004) cho các năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2005. Áp dụng sớm hơn được cho phép. Một đơn vị sẽ không áp dụng chuẩn mực này (bao gồm cả các thay đổi ban hành tháng 3 năm 2004) cho các năm tài chính bắt đầu trước ngày 01 tháng 01 năm 2005 trừ khi đơn vị đồng thời áp dụng IAS 32 (ban hành tháng 12 năm 2003). Nếu một đơn vị áp dụng chuẩn mực này cho một kỳ bắt đầu trước ngày 01 tháng 01 năm 2005, đơn vị sẽ thuyết minh nội dung này.

103A [Đã xóa]

103B [Đã xóa]

103C IAS 1 (như sửa đổi năm 2007) đã sửa đổi thuật ngữ đã sử dụng trong IFRSs. Ngoài ra, IAS 1 đã sửa đổi các đoạn 95(a), 97, 100, 102, 108 và AG99B. Một đơn vị sẽ áp dụng các thay đổi này cho các năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Nếu một đơn vị áp dụng IAS 1 (sửa đổi năm 2007) cho một kỳ trước đó, các thay đổi sẽ được áp dụng cho kỳ trước này.

103D [Đã xóa]

103E IAS 27 (như đã sửa đổi năm 2008) sửa đổi đoạn 102. Một đơn vị sẽ áp dụng thay đổi này cho các năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 7 năm 2009. Nếu một đơn vị áp dụng IAS 27 (đã sửa đổi năm 2008) cho một kỳ trước đó, các sửa đổi sẽ được áp dụng cho kỳ trước này.

103F [Đã xóa]

103G Một đơn vị sẽ áp dụng các đoạn AG99BA, AG99E, AG99F, AG110A và AG110B hồi tố cho các năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 07 năm 2009, theo *IAS 8 Chính sách Kế toán, Các thay đổi trong Ước tính kế toán và Sai sót*. Áp dụng sớm hơn được cho phép. Nếu một đơn vị áp dụng *Các đối tượng được Phòng ngừa rủi ro Đạt chuẩn* (Sửa đổi IAS 39) cho các năm tài chính bắt đầu trước ngày 01 tháng 7 năm 2009, đơn vị sẽ thuyết minh nội dung này.

103H-J [Đã xóa]

103K *Sửa đổi IFRSs* ban hành tháng 4 năm 2009 sửa đổi đoạn 2(g), 97 và 100. Một đơn vị sẽ áp dụng các sửa đổi cho các đoạn này hồi tố cho các tất cả các hợp đồng chưa hết hạn cho các năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2010. Áp dụng sớm hơn được cho phép. Một đơn vị áp dụng các thay đổi cho kỳ sớm hơn sẽ thuyết minh nội dung này.

103L-P [Đã xóa]

103Q IFRS 13, ban hành tháng 5 năm 2011, đã sửa đổi các đoạn 9, 13, 28, 47, 88, AG46, AG52, AG64, AG76, AG76A, AG80, AG81 và AG96, bổ sung thêm đoạn 43A và xóa các đoạn 48–49, AG69–AG75, AG77–AG79 và AG82. Một đơn vị sẽ áp dụng các thay đổi này khi đơn vị áp dụng IFRS 13.

103R *Các đơn vị Đầu tư* (Các sửa đổi IFRS 10, IFRS 12 và IAS 27), ban hành tháng 10 năm 2012, đã sửa đổi đoạn 2 và 80. Một đơn vị sẽ áp dụng các thay đổi này cho các năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2014. Áp dụng *Các đơn vị Đầu tư* sớm hơn được cho phép. Nếu một đơn vị áp dụng các sửa đổi này sớm hơn đơn vị sẽ đồng thời áp dụng tất cả các sửa đổi nằm trong *Các đơn vị Đầu tư* vào cùng thời điểm.

103S [Đã xóa]

103T IFRS 15 *Doanh thu từ Hợp đồng với Khách hàng,* ban hành tháng 5 năm 2014, đã sửa đổi các đoạn 2, 9, 43, 47, 55, AG2, AG4 và AG48 và bổ sung thêm các đoạn 2A, 44A, 55A và đoạn từ AG8A đến AG8C. Một đơn vị sẽ áp dụng các sửa đổi này khi đơn vị áp dụng IFRS 15.

103U IFRS 9, ban hành tháng 7 năm 2014, đã sửa đổi các đoạn 2, 8, 9, 71, 88–90, 96, AG95, AG114, AG118 và các tiêu đề bên trên đoạn AG133 và xóa các đoạn 1, 4–7, 10–70, 79, 103B, 103D, 103F, 103H–103J, 103L–103P, 103S, 105–107A, 108E–108F, AG1–AG93 và AG96. Một đơn vị sẽ áp dụng các sửa đổi này khi đơn vị áp dụng IFRS 9.

103V *[Đoạn này đã được thêm cho đơn vị đã không áp dụng IFRS 9]*

104 Chuẩn mực này sẽ được áp dụng hồi tố ngoại trừ chi tiết trong đoạn 108. Số dư đầu kỳ của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho kỳ kế toán trước đó gần nhất và tất cả giá trị so sánh khác sẽ được điều chỉnh nếu chuẩn mực này đã luôn luôn được sử dụng trừ khi không thể sửa đổi thông tin. Nếu không thể thực hiện được sửa đổi, đơn vị sẽ thuyết minh thực trạng này và cho biết mức độ thông tin đã được sửa đổi.

105-107A [Đã xóa]

108 Một đơn vị sẽ không điều chỉnh giá trị còn lại của các tài sản phi tài chính và các khoản nợ phải trả phi tài chính để loại trừ các khoản lãi hoặc lỗ liên quan đến những phòng ngừa rủi ro dòng tiền mà đã được đưa vào giá trị còn lại trước khi bắt đầu năm tài chính đầu tiên áp dụng chuẩn mực này. Vào thời điểm bắt đầu của kỳ tài chính đầu tiên áp dụng chuẩn mực này, bất kỳ giá trị nào đã ghi nhận ngoài lãi hoặc lỗ (tức là ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác hoặc ghi nhận trực tiếp vào vốn) cho phòng ngừa rủi ro của một cam kết thực hiện theo chuẩn mực này được hạch toán như một phòng ngừa rủi ro giá trị hợp lý sẽ được phân loại lại thành tài sản hoặc nợ phải trả, ngoại trừ phòng ngừa rủi ro cho rủi ro ngoại tệ tiếp tục được ghi nhận như một phòng ngừa rủi ro dòng tiền.

108A Một đơn vị sẽ áp dụng câu cuối cùng của đoạn 80 và các đoạn AG99A và AG99B, cho các năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2006. Áp dụng sớm hơn được khuyến khích. Nếu một đơn vị đã chỉ định một đối tượng được phòng ngừa rủi ro là một giao dịch dự kiến với bên ngoài mà:

 a) được thanh toán bằng đồng tiền chức năng của đơn vị tham gia vào giao dịch,

 b) làm tăng trạng thái rủi ro ảnh hưởng đến lãi hoặc lỗ hợp nhất (ví dụ được thanh toán bằng đồng tiền khác với đồng tiền trình bày của tập đoàn), và

 c) đáp ứng tiêu chuẩn của kế toán phòng ngừa rủi ro và không được thanh toán bằng đồng tiền chức năng của đơn vị tham gia vào giao dịch,

 đơn vị sẽ áp dụng kế toán phòng ngừa rủi ro trong các báo cáo tài chính hợp nhất trong một hoặc nhiều kỳ trước thời điểm áp dụng câu cuối cùng của đoạn 80 và các đoạn AG99A và AG99B.

108B Một đơn vị không cần áp dụng đoạn AG99B cho các thông tin so sánh liên quan đến các kỳ trước thời điểm áp dụng câu cuối cùng của đoạn 80 và đoạn AG99A.

108C Các đoạn 73 và AG8 được sửa đổi bởi *Các cải tiến đối với IFRSs,* ban hành tháng 5 năm 2008. Đoạn 80 được sửa đổi bởi văn bản *Các cải tiến đối với IFRSs,* ban hành tháng 4 năm 2009. Một đơn vị sẽ áp dụng các sửa đổi này cho các năm tài chính vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Áp dụng sớm hơn của tất cả các sửa đổi được cho phép. Nếu đơn vị áp dụng các sửa đổi cho một kỳ sớm hơn sẽ cần thuyết minh nội dung này.

108D *Cải cách về Các công cụ phái sinh và Tiếp tục áp dụng của Kế toán Phòng ngừa rủi ro (sửa đổi IAS 39),* ban hành tháng 6 năm 2013, đã sửa đổi các đoạn 91 và 101 và bổ sung thêm đoạn AG113A. Đơn vị sẽ áp dụng các đoạn trên cho các năm tài chính vào hoặc sau từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Một đơn vị sẽ áp dụng hồi tố các thay đổi trên theo IAS 8 *Các chính sách Kế toán, Các thay đổi trong Ước tính Kế toán và Sai sót.* Áp dụng sớm hơn được cho phép. Nếu đơn vị áp dụng các sửa đổi này cho một kỳ sớm hơn sẽ cần thuyết minh nội dung này.

108E-108F [Đã xóa]

**Thu hồi các văn bản khác**

1. Chuẩn mực này thay thế IAS 39 *Các Công cụ Tài chính: Ghi nhận và Xác định giá trị* sửa đổi vào tháng 10 năm 2000

110 Chuẩn mực này và Hướng dẫn Thực hiện tương ứng thay thế Hướng dẫn Thực hiện ban hành bởi Ủy ban Hướng dẫn Thực hiện IAS 39, thành lập bởi IASC trước đây.

**Phụ lục A**

**Hướng dẫn áp dụng**

*Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Chuẩn mực.*

AG1- [Đã xóa]

AG93

**Phòng ngừa rủi ro (đoạn 71-102)**

**Các công cụ phòng ngừa rủi ro (đoạn 72-77)**

**Các công cụ phòng ngừa rủi ro đạt tiêu chuẩn (đoạn 72 và 73)**

AG 94 Thiệt hại tiềm tàng đối với một hợp đồng quyền chọn của một đơn vị có thể lớn hơn đáng kể so với mức tăng tiềm tàng về giá trị của một khoản mục được phòng ngừa rủi ro. Nói cách khác, một hợp đồng quyền chọn sẽ không đem lại hiệu quả trong việc giảm lợi nhuận hoặc thua lỗ của một một khoản mục được phòng ngừa rủi ro. Do đó, hợp đồng quyền chọn không đủ điều kiện làm công cụ phòng ngừa rủi ro trừ khi được chỉ định là phần bù trừ cho một quyền chọn mua, bao gồm quyền chọn đi kèm với trong một công cụ tài chính khác (ví dụ: một hợp đồng quyền chọn bán được sử dụng để phòng ngừa cho một khoản nợ có thể được bán). Ngược lại, một quyền chọn mua có lợi nhuận tiềm năng bằng hoặc lớn hơn thua lỗ và do đó có khả năng giảm lợi nhuận hoặc thua lỗ từ những thay đổi trong giá trị hợp lý hoặc dòng tiền. Theo đó, quyền chọn có thể đủ điều kiện như một công cụ phòng ngừa rủi ro.

AG 95 Một tài sản tài chính được xác định bằng giá trị được phân bổ có thể được chỉ định là công cụ phòng ngừa rủi ro trong rủi ro ngoại tệ.

AG 96 Đã xóa

AG 97 Công cụ vốn của một đơn vị không phải là tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính của đơn vị đó và do đó không thể được chỉ định là công cụ phòng ngừa rủi ro.

**Các khoản mục được phòng ngừa rủi ro (đoạn 78-84)**

**Các khoản mục được phòng ngừa rủi ro đạt tiêu chuẩn (đoạn 78-80)**

AG 98 Một cam kết chắc chắn để mua một doanh nghiệp trong t hợp nhất kinh doanh không thể là một khoản mục được phòng ngừa rủi ro, ngoại trừ trong trường hợp có rủi ro ngoại hối, bởi vì các rủi ro khác được phòng ngừa rủi ro không thể được xác định và tính toán một cách cụ thể. Những rủi ro khác là rủi ro kinh doanh chung.

AG 99 Đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu không thể là một khoản mục được phòng ngừa rủi ro với một giá trị phòng ngừa hợp lý bởi vì phương pháp vốn chủ sở hữu ghi nhận lãi hoặc lỗ của cổ phần của nhà đầu tư trong báo cáo lãi hoặc lỗ của doanh nghiệp, thay vì ghi nhận thay đổi giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Vì một lý do tương tự, một khoản đầu tư vào một công ty con được hợp nhất không thể là một khoản mục được phòng ngừa rủi ro với một giá trị phòng ngừa rủi ro hợp lý bởi vì việc hợp nhất ghi nhận lợi nhuận hoặc thua lỗ của công ty con, thay vì thay đổi giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Phòng ngừa của một khoản đầu tư ròng tại nước ngoài là trường hợp khác biệt bởi vì đó là phòng ngừa của rủi ro ngoại tệ, chứ không phải là một giá trị phòng ngừa hợp lý của việc thay đổi giá trị của khoản đầu tư.

AG99A Đoạn 80 nêu rõ rằng trong báo cáo tài chính hợp nhất, rủi ro ngoại tệ của giao dịch nội bộ có khả năng xảy ra cao có thể đủ điều kiện là một khoản mục được phòng ngừa rủi ro trong việc phòng ngừa dòng tiền, với điều kiện giao dịch được quy đổi theo loại tiền khác với loại tiền tệ chức năng của đơn vị tham gia vào đó giao dịch và rủi ro ngoại tệ sẽ ảnh hưởng đến lãi hoặc lỗ hợp nhất. Với mục đích này, một đơn vị có thể là công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, liên doanh hoặc chi nhánh. Nếu rủi ro ngoại tệ của giao dịch nội bộ dự kiến xảy ra không ảnh hưởng đến lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất, giao dịch nội bộ không thể đủ điều kiện là một khoản mục được phòng ngừa rủi ro. Đó thường là những trường hợp thanh toán tiền bản quyền, thanh toán lãi hoặc phí quản lý giữa các thành viên trong cùng một nhóm trừ khi có một giao dịch bên ngoài liên quan. Tuy nhiên, khi rủi ro ngoại tệ của giao dịch nội bộ dự kiến xảy ra ảnh hưởng đến lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất, giao dịch nội bộ đó có thể đủ điều kiện là một khoản mục được phòng ngừa rủi ro. Một ví dụ là doanh số dự kiến hoặc số lượng mua hàng tồn kho dự kiến giữa các thành viên trong cùng một tập đoàn nếu có một đợt bán hàng tồn kho tiếp theo tương tự cho một bên thứ ba ngoài tập đoàn. Tương tự, việc bán nhà máy và thiết bị được sản xuất từ một công ty thành viên cho công ty thành viên khác để sử dụng nhà máy và thiết bị trong hoạt động kinh doanh có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất. Điều này có thể xảy ra, ví dụ, bởi vì nhà máy và thiết bị sẽ bị khấu hao bởi bên mua và số tiền được ghi nhận ban đầu cho nhà máy và thiết bị có thể thay đổi nếu giao dịch nội bộ dự kiến xảy ra quy định bằng loại tiền khác với loại tiền tệ chức năng của bên mua.

AG99B Nếu phòng ngừa của một giao dịch nội bộ được dự báo đủ điều kiện cho ghi nhận phòng ngừa rủi ro, bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào được ghi nhận trong thu nhập toàn diện khác theo đoạn 95 (a) sẽ được phân loại lại từ vốn chủ sở hữu sang lãi hoặc lỗ khi điều chỉnh do tái phân loại trong cùng kỳ hoặc giai đoạn mà rủi ro ngoại tệ của giao dịch phòng ngừa rủi ro ảnh hưởng đến lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất.

AG99BA Một đơn vị có thể chỉ định tất cả các thay đổi trong dòng tiền hoặc giá trị hợp lý của một khoản mục được phòng ngừa rủi ro trong mối quan hệ phòng ngừa rủi ro. Một đơn vị cũng có thể chỉ định những thay đổi trong dòng tiền hoặc giá trị hợp lý của một khoản mục được phòng ngừa rủi ro cao hơn hoặc thấp hơn mức giá xác định hoặc những biến số khác (những rủi ro một phía). Giá trị nội tại của một công cụ phòng ngừa rủi ro quyền chọn mua (giả sử rằng nó có cùng điều khoản chính với rủi ro được chỉ định), nhưng không phải là giá trị thời gian của nó, phản ánh rủi ro một phía trong một khoản mục được phòng ngừa rủi ro. Ví dụ, một đơn vị có thể chỉ định sự thay đổi của kết quả dòng tiền trong tương lai do việc tăng giá mua hàng hóa dự báo. Trong tình huống như vậy, chỉ có tổn thất dòng tiền do việc tăng giá trên mức quy định mới được chỉ định. Rủi ro phòng ngừa không bao gồm giá trị thời gian của quyền chọn mua vì giá trị thời gian không phải là một thành phần của giao dịch được dự báo có ảnh hưởng đến lợi nhuận hoặc lỗ (đoạn 86 (b)).

**Khoản mục tài chính được chỉ định là khoản mục được phòng ngừa rủi ro (đoạn 81 và 81A)**

AG 99C Nếu một phần dòng tiền của tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính được chỉ định là khoản mục được phòng ngừa rủi ro thì phần được chỉ định đó phải nhỏ hơn tổng dòng tiền của tài sản hoặc nợ phải trả. Ví dụ, trong trường hợp nợ phải trả có lãi suất áp dụng thấp hơn LIBOR, một đơn vị không thể chỉ định (a) một phần nợ phải trả bằng số tiền gốc cộng với tiền lãi theo LIBOR và (b) phần còn lại âm. Tuy nhiên, đơn vị có thể chỉ định tất cả các dòng tiền của toàn bộ tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính là khoản mục được phòng ngừa rủi ro và chỉ phòng ngừa cho một rủi ro cụ thể (ví dụ: đối với những thay đổi do thay đổi trong LIBOR). Ví dụ: trong trường hợp nợ phải trả tài chính có lãi suất áp dụng thấp hơn 100 điểm cơ bản, đơn vị có thể chỉ định toàn bộ nợ phải trả là khoản mục được phòng ngừa rủi ro (ví dụ như số gốc cộng với lãi suất LIBOR trừ 100 điểm cơ bản) và phòng ngừa cho thay đổi trong giá trị hợp lý hoặc dòng tiền của toàn bộ nợ phải trả do thay đổi trong LIBOR. Đơn vị cũng có thể chọn tỷ lệ phòng ngừa rủi ro khác nhau thay vì cách chọn từ một đến một để cải thiện tính hiệu quả của phòng ngừa như được mô tả trong đoạn AG100.

AG 99D Ngoài ra, nếu một công cụ tài chính có lãi suất cố định được phòng ngừa trong một khoảng thời gian dài sau khi bắt đầu và lãi suất thay đổi trong thời gian đó, đơn vị có thể chỉ định một phần bằng với tỷ lệ tiêu chuẩn cao hơn tỷ lệ hợp đồng được trả cho khoản mục. Đơn vị có thể làm như vậy với điều kiện là tỷ lệ tiêu chuẩn thấp hơn lãi suất áp dụng được tính dựa trên giả định rằng đơn vị đã mua công cụ vào ngày đầu tiên được chỉ định là khoản mục được phòng ngừa rủi ro. Ví dụ: giả sử một đơn vị tạo ra một tài sản tài chính có tỷ lệ cố định là CU100 có lãi suất áp dụng là 6% tại thời điểm LIBOR là 4%. Việc bắt đầu phòng ngừa tài sản đó trong một thời gian sau đó khi LIBOR đã tăng lên 8% và giá trị hợp lý của tài sản đã giảm xuống CU90. Đơn vị tính toán rằng nếu họ đã mua tài sản vào ngày đầu tiên họ chỉ định nó là khoản mục được phòng ngừa rủi ro với giá trị hợp lý sau đó là CU90, thì lợi suất áp dụng sẽ là 9,5%. Do LIBOR thấp hơn lợi suất này, nên đơn vị có thể chỉ định một phần LIBOR 8% bao gồm một phần dòng tiền lãi theo hợp đồng và một phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý hiện tại (ví dụ CU90) và số tiền đáo hạn có thể hoàn trả (nghĩa là CU100).

AG 99E Đoạn 81 cho phép đơn vị chỉ định những thứ khác thay vì toàn bộ thay đổi giá trị hợp lý hoặc biến động dòng tiền của một công cụ tài chính. Ví dụ:

(a) tất cả các dòng tiền của một công cụ tài chính có thể được chỉ định là rủi ro dòng tiền hoặc thay đổi giá trị hợp lý (nhưng không phải tất cả); hoặc là

(b) một số (nhưng không phải tất cả) dòng tiền của công cụ tài chính có thể được chỉ định là rủi ro cho dòng tiền hoặc thay đổi giá trị hợp lý ở mức độ tất cả hoặc chỉ một số rủi ro (ví dụ: “một phần” dòng tiền của công cụ tài chính có thể được chỉ định cho những thay đổi do tất cả hoặc chỉ một số rủi ro).

AG 99F Để đủ điều kiện cho ghi nhận phòng ngừa rủi ro, các rủi ro hoặc phần được chỉ định phải là các thành phần có thể xác định riêng biệt của công cụ tài chính. Ngoài ra, các thay đổi trong dòng tiền hoặc giá trị hợp lý của toàn bộ công cụ tài chính phát sinh từ các thay đổi về rủi ro và các phần được chỉ định phải được tính toán một cách đáng tin cậy. Ví dụ:

1. đối với một công cụ tài chính có lãi suất cố định được phòng ngừa cho những thay đổi về giá trị hợp lý do những thay đổi về không chịu lãi suất rủi ro hoặc lãi suất tiêu chuẩn, tỷ lệ phi rủi ro hay tỷ lệ tiêu chuẩn thường vừa được chỉ định là một thành phần có thể xác định riêng biệt của công cụ tài chính và tính toán tin cậy được.
2. lạm phát không thể được xác định một cách riêng biệt và không thể tính toán được một cách đáng tin cậy và không thể được chỉ định là rủi ro hoặc một phần của công cụ tài chính trừ khi các yêu cầu trong phần (c) được đáp ứng.
3. một phần lạm phát được quy định theo hợp đồng trong các dòng tiền của trái phiếu được liên kết với lạm phát được công nhận (giả sử không có yêu cầu phải tính riêng cho một công cụ phái sinh đi kèm) có thể được xác định riêng biệt và có thể tính toán 1 cách đáng tin cậy miễn là các dòng tiền khác của công cụ không bị ảnh hưởng bởi phần lạm phát.

**Khoản mục phi tài chính được chỉ định khoản mục được phòng ngừa rủi ro (đoạn 82)**

AG 100 Sự thay đổi về giá của một thành phần hoặc thành phần của tài sản phi tài chính hoặc nợ phải trả phi tài chính thường có ảnh hưởng không thể dự đoán cũng như không thể xác định một cách riêng biệt. Đối với giá của khoản mục như là tác động của thay đổi trên thị trường lãi suất đối với giá của một trái phiếu. Do đó, tài sản phi tài chính hoặc nợ phải trả phi tài chính là một khoản mục được phòng ngừa rủi ro toàn bộ hoặc cho rủi ro ngoại hối. Trường hợp có sự khác biệt giữa các điều khoản của công cụ phòng ngừa rủi ro và khoản mục được phòng ngừa rủi ro (chẳng hạn như để phòng ngừa rủi ro cho việc mua cà phê Brazil dự kiến sử dụng hợp đồng kỳ hạn để mua cà phê Colombia theo các điều khoản tương tự khác). Mối quan hệ phòng ngừa rủi ro có thể đủ điều kiện như một mối quan hệ phòng ngừa rủi ro với điều kiện tất cả các điều kiện trong đoạn 88 được đáp ứng, bao gồm cả việc phòng ngừa rủi ro được dự kiến ​​sẽ có hiệu quả cao. Với mục đích này, số lượng công cụ phòng ngừa rủi ro có thể lớn hơn hoặc ít hơn số lượng khoản mục được phòng ngừa rủi ro, ví dụ như điều này cải thiện hiệu quả của mối quan hệ phòng ngừa rủi ro như việc phân tích hồi quy có thể được thực hiện để thiết lập mối quan hệ thống kê giữa khoản mục được bảo hiểm (ví dụ: giao dịch mua cà phê Brazil) và công cụ phòng ngừa rủi ro (ví dụ: giao dịch mua cà phê Colombia).

Nếu có mối quan hệ thống kê có ý nghĩa giữa hai biến số (tức là giữa đơn giá cà phê Brazil và cà phê Colombia), độ dốc của đường hồi quy có thể được sử dụng để thiết lập tỷ lệ phòng ngừa rủi ro mà có thể sẽ tối đa hóa hiệu quả mong đợi. Ví dụ: nếu độ dốc của đường hồi quy là 1,02, tỷ lệ phòng ngừa rủi ro dựa trên 0,98 số lượng khoản mục được phòng ngừa rủi ro đến 1,00 số lượng của công cụ phòng ngừa rủi ro tối đa hóa hiệu quả mong đợi. Tuy nhiên, mối quan hệ phòng ngừa rủi ro có thể dẫn đến sự kém hiệu quả được ghi nhận vào lợi nhuận hoặc thua lỗ trong suốt thời hạn của mối quan hệ phòng ngừa rủi ro.

**Nhóm khoản mục được chỉ định là khoản mục được phòng ngừa rủi ro (đoạn 83 và 84)**

AG101 Đối với phòng ngừa của một tổng thể giá trị ròng (ví dụ: giá trị ròng của tất cả các tài sản có tỷ lệ cố định và nợ phải trả có tỷ lệ cố định cũng như có kỳ hạn tương tự) hơn là một khoản mục được phòng ngừa rủi ro cụ thể, nhóm khoản mục đó không đủ điều kiện cho kế toán phòng ngừa rủi ro. Tuy nhiên, gần như cùng một tác động đối với lợi nhuận hoặc tổn thất của kế toán phòng ngừa rủi ro đối với loại mối quan hệ phòng ngừa rủi ro này có thể đạt được bằng cách chỉ định là phần được phòng ngừa rủi ro của các tài sản cơ sở. Ví dụ: nếu một ngân hàng có CU100 tài sản và CU90 nợ phải trả có rủi ro và các điều khoản có tính chất tương tự và phòng ngừa rủi ro ròng CU10, thì ngân hàng đó có thể chỉ định khoản mục được phòng ngừa rủi ro là CU10 được bảo hiểm của các tài sản đó. Chỉ định này có thể được sử dụng nếu các tài sản và nợ phải trả đó là các công cụ có tỷ lệ cố định, trong trường hợp đó là một phòng ngừa giá trị hợp lý hoặc nếu chúng là các công cụ có tỷ lệ thay đổi, trong trường hợp đó là một công cụ phòng ngừa dòng tiền. Tương tự, nếu một đơn vị có cam kết chắc chắn về việc mua bằng ngoại tệ CU100 và cam kết chắc chắn để bán bằng ngoại tệ CU90, họ có thể phòng ngừa số tiền ròng CU10 bằng cách mua một công cụ phái sinh và chỉ định nó là một công cụ phòng ngừa rủi ro liên quan đến CU10 của cam kết mua công ty trị giá CU100.

**Kế toán phòng ngừa rủi ro (đoạn 85-102)**

AG 102 Một ví dụ về phòng ngừa rủi ro theo giá trị hợp lý là một phòng ngừa rủi ro với những thay đổi trong giá trị hợp lý của một công cụ nợ có lãi suất cố định do kết quả của những thay đổi về lãi suất. Một phòng ngừa rủi ro như vậy có thể được thực hiện bởi người phát hành hoặc bởi chủ sở hữu.

AG 103 Một ví dụ về phòng ngừa rủi ro dòng tiền là việc sử dụng hoán đổi để thay đổi nợ lãi suất thả nổi thành nợ lãi suất cố định (tức là một phòng ngừa rủi ro của một giao dịch trong tương lai, nơi mà các dòng tiền trong tương lai được phòng ngừa là các khoản thanh toán lãi trong tương lai).

AG 104 Phòng ngừa của một cam kết chắc chắn (ví dụ như một phòng ngừa thay đổi trong giá nhiên liệu liên quan đến một cam kết hợp đồng không được ghi nhận bởi một công ty ngành điện để mua nhiên liệu tại một mức giá cố định) là một phòng ngừa rủi ro với thay đổi trong giá trị hợp lý. Theo đó, một phòng ngừa như vậy là một phòng ngừa rủi ro giá trị hợp lý. Tuy nhiên, theo đoạn 87, một phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của một cam kết chắc chắn có thể được hạch toán thay thế như một phòng ngừa dòng tiền.

**Đánh giá hiệu quả phòng ngừa rủi ro**

AG 105 Một khoản phòng ngừa rủi ro được xác định là có hiệu quả cao chỉ khi đáp ứng cả hai điều kiện sau:

(a) Khi bắt đầu phòng ngừa và trong các giai đoạn tiếp theo, khoản phòng ngừa rủi ro được dự kiến ​​sẽ có hiệu quả cao trong việc bù trừ các thay đổi trong giá trị hợp lý hoặc dòng tiền do rủi ro được phòng ngừa trong giai đoạn mà phòng ngừa được chỉ định. Kỳ vọng này có thể được thể hiện bằng nhiều cách khác nhau, bao gồm so sánh các thay đổi trong quá khứ của giá trị hợp lý, dòng tiền của khoản mục được phòng ngừa cho rủi ro đã được phòng ngừa với các thay đổi trong quá khứ của giá trị hợp lý hoặc dòng tiền của công cụ phòng ngừa rủi ro, hoặc bằng cách chứng minh mối tương quan thống kê cao giữa giá trị hợp lý hoặc dòng tiền của khoản mục được phòng ngừa rủi ro và các công cụ phòng ngừa rủi ro. Đơn vị có thể chọn từng tỷ số phòng ngừa rủi ro khác nhau để cải thiện hiệu quả phòng ngừa rủi ro như được mô tả trong đoạn AG100.

(b) Kết quả thực tế của phòng ngừa rủi ro nằm trong phạm vi 80-125%. Ví dụ: nếu kết quả thực tế là tổn thất trên công cụ phòng ngừa rủi ro là CU120 và mức lãi trên công cụ tiền mặt là CU100, bù trừ có thể được tính bằng 120/100, tức là 120%, hoặc 100/120, tức là 83%. Trong ví dụ này, giả sử phòng ngừa rủi ro đáp ứng điều kiện trong mục (a), đơn vị sẽ kết luận rằng phòng ngừa đã đạt hiệu quả cao.

AG 106 Hiệu quả được đánh giá, ở mức tối thiểu, tại thời điểm một đơn vị lập báo cáo tài chính hàng năm hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ.

AG 107 Tiêu chuẩn này không trình bày cụ thể một phương pháp duy nhất để đánh giá hiệu quả phòng ngừa rủi ro. Phương pháp mà một đơn vị áp dụng để đánh giá hiệu quả phòng ngừa rủi ro phụ thuộc vào chiến lược quản lý rủi ro của đơn vị đó. Ví dụ: nếu chiến lược quản lý rủi ro của đơn vị là điều chỉnh lượng công cụ phòng ngừa rủi ro theo định kỳ để phản ánh các thay đổi ở trạng thái phòng ngừa rủi ro thì đơn vị cần chứng minh rằng việc phòng ngừa rủi ro chỉ có hiệu quả cao trong một khoảng thời gian cho đến khi số lượng công cụ phòng ngừa rủi ro được điều chỉnh tiếp theo. Trong một số trường hợp, một đơn vị áp dụng các phương pháp khác nhau cho các loại phòng ngừa rủi ro khác nhau. Một tài liệu về chiến lược phòng ngừa rủi ro của đơn vị bao gồm các thủ tục để đánh giá tính hiệu quả. Các quy trình này nêu rõ việc đánh giá có bao gồm tất cả các khoản lãi hay lỗ trên công cụ phòng ngừa rủi ro hay liệu giá trị thời gian của công cụ có bị loại trừ hay không.

AG107A Nếu một đơn vị phòng ngừa rủi ro ít hơn 100% giá trị của khoản mục, chẳng hạn như 85% thì đơn vị sẽ chỉ định khoản mục được phòng ngừa rủi ro là 85% giá trị của khoản mục, và sẽ tính toán mức độ không hiệu quả dựa trên sự thay đổi trong 85% được chỉ định đó. Tuy nhiên, khi phòng ngừa rủi ro 85% được chỉ định, đơn vị có thể sử dụng tỷ số phòng ngừa rủi ro khác nếu điều đó cải thiện hiệu quả mong đợi của phòng ngừa rủi ro, như đã giải thích trong đoạn AG100.

AG 108 Nếu các điều khoản chính của công cụ phòng ngừa rủi ro và tài sản, nợ phải trả, cam kết chắc chắn hoặc giao dịch dự kiến rất có khả năng xảy ra trong tương lai được phòng ngừa rủi ro là như nhau thì những thay đổi trong giá trị hợp lý và dòng tiền do rủi ro được phòng ngừa có thể bù trừ cho nhau cả khi phòng ngừa rủi ro được thực hiện và thời gian sau đó. Ví dụ: hoán đổi lãi suất có thể là một phòng ngừa hiệu quả nếu các khoản tiền gốc và khái toán, kỳ hạn, ngày định giá lại, ngày nhận và thanh toán gốc và lãi, và cơ sở để đo lãi suất là như nhau đối với công cụ phòng ngừa rủi ro và các khoản mục được phòng ngừa rủi ro và các khoản mục được phòng ngừa rủi ro. Ngoài ra, một phòng ngừa mua hàng hóa dự kiến rất có khả năng xảy ra trong tương lại có hợp đồng kỳ hạn có khả năng đạt có hiệu quả cao nếu:

(a) hợp đồng kỳ hạn là để mua cùng một lượng hàng hóa của cùng một khoản mục tại cùng thời điểm và địa điểm với lượng mua dự báo được phòng ngừa rủi ro;

(b) giá trị hợp lý của hợp đồng kỳ hạn khi bắt đầu bằng không; và

(c) thay đổi trong chiết khấu hoặc phí bảo hiểm của hợp đồng kỳ hạn được loại trừ khỏi đánh giá hiệu quả và được ghi nhận vào lãi hoặc lỗ hoặc thay đổi trong dòng tiền dự kiến ​​trên giao dịch dự kiến rất có khả năng xảy ra trong tương lai được dựa trên giá chuyển tiếp cho hàng hóa.

AG 109 Đôi khi các công cụ phòng ngừa rủi ro chỉ bù trừ một phần rủi ro được phòng ngừa. Ví dụ, một khoản phòng ngừa rủi ro sẽ không hoàn toàn hiệu quả nếu công cụ phòng ngừa rủi ro và khoản mục được phòng ngừa rủi ro quy định theo các loại tiền tệ khác nhau không biến động song song. Ngoài ra, việc phòng ngừa rủi ro lãi suất bằng cách sử dụng công cụ phái sinh sẽ không hoàn toàn hiệu quả nếu một phần thay đổi trong giá trị hợp lý của công cụ phái sinh được quy cho rủi ro tín dụng đối tác.

AG 110 Để đủ điều kiện cho kế toán phòng ngừa rủi ro, khoản phòng ngừa rủi ro phải liên quan đến rủi ro được xác định và chỉ định cụ thể, và không chỉ đơn thuần là rủi ro kinh doanh chung của đơn vị, và cuối cùng phải ảnh hưởng đến lãi hoặc lỗ của đơn vị. Một phòng ngừa rủi ro của một tài sản vật chất lỗi thời hoặc rủi ro quốc hữu hóa tài sản của chính phủ không đủ điều kiện cho kế toán phòng ngừa rủi ro; hiệu quả không thể đo lường được vì những rủi ro này không thể đo lường được một cách đáng tin cậy.

AG110A Đoạn 74 (a) cho phép một đơn vị tách giá trị nội tại và giá trị thời gian của hợp đồng quyền chọn và chỉ chỉ định là công cụ phòng ngừa rủi ro đối với thay đổi trong giá trị nội tại của hợp đồng quyền chọn. Việc chỉ định như vậy có thể dẫn đến một mối quan hệ phòng ngừa rủi ro hoàn toàn hiệu quả trong việc đạt được các thay đổi bù trừ trong dòng tiền do rủi ro một mặt được phòng ngừa của giao dịch dự kiến, khi các điều khoản chính của giao dịch dự kiến và công cụ phòng ngừa rủi ro là như nhau.

AG110B Nếu một đơn vị chỉ định toàn bộ quyền chọn mua là công cụ phòng ngừa rủi ro một phía phát sinh từ giao dịch dự kiến, mối quan hệ phòng ngừa rủi ro sẽ không hoàn toàn hiệu quả. Điều này là do phí bảo hiểm được trả cho quyền chọn bao gồm giá trị thời gian, như đã nêu trong đoạn AG99BA, và rủi ro một mặt được chỉ định không bao gồm giá trị thời gian của quyền chọn. Do đó, trong tình huống này, sẽ không có khoản bù trừ nào giữa các dòng tiền liên quan đến giá trị thời gian của phí bảo hiểm quyền chọn được trả và rủi ro phòng ngừa được chỉ định.

AG 111 Trong trường hợp rủi ro lãi suất, hiệu quả phòng ngừa rủi ro có thể được đánh giá bằng cách chuẩn bị một lịch biểu đáo hạn cho các tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính cho thấy mức lãi suất ròng cho từng khoảng thời gian. Việc ???có liên quan đến một tài sản hoặc công nợ cụ thể (hoặc một nhóm tài sản hoặc nợ phải trả cụ thể hoặc một phần cụ thể của nhóm đó) làm tăng ??? và hiệu quả phòng ngừa rủi ro được đánh giá dựa trên tài sản hoặc công nợ đó.

AG 112 Khi đánh giá hiệu quả của một phòng ngừa rủi ro, một đơn vị thường xem xét giá trị thời gian của dòng tiền. Lãi suất cố định trên một khoản mục được phòng ngừa rủi ro không cần phải khớp chính xác với lãi suất cố định trên một giao dịch hoán đổi được chỉ định là một phòng ngừa rủi ro giá trị hợp lý. Cũng không phải là lãi suất thay đổi trên một tài sản hoặc nợ phải trả chịu lãi phải giống như lãi suất thay đổi trên một giao dịch hoán đổi được chỉ định như một phòng ngừa rủi ro dòng tiền. Một giá trị hợp lý hoán đổi xuất phát từ các khoản thanh toán ròng của nó. Tỷ lệ cố định và biến đổi trên một hoán đổi có thể được thay đổi mà không ảnh hưởng đến thanh toán ròng nếu cả hai được thay đổi bởi cùng một số tiền.

AG 113 Nếu một đơn vị không đáp ứng các tiêu chí về hiệu quả phòng ngừa rủi ro, thì đơn vị đó sẽ dừng thực hiện kế toán phòng ngừa rủi ro kể từ ngày cuối cùng mà việc tuân thủ hiệu quả phòng ngừa rủi ro được đáp ứng. Tuy nhiên, nếu đơn vị xác định sự kiện hoặc thay đổi hoàn cảnh khiến mối quan hệ phòng ngừa rủi ro không đạt tiêu chí hiệu quả và chứng minh rằng việc phòng ngừa rủi ro có hiệu lực trước khi sự kiện xảy ra hoặc thay đổi trong hoàn cảnh xảy ra thì đơn vị sẽ dừng thực hiện kế toán phòng ngừa kể từ ngày xảy ra sự kiện hoặc thay đổi hoàn cảnh.

AG 113A Để tránh nghi ngờ, tác động của việc thay thế đối tác ban đầu bằng một đối tác thanh toán bù trừ và thực hiện các thay đổi liên quan như được mô tả trong đoạn 91 (a) (ii) và 101 (a) (ii) sẽ được phản ánh khi xác định công cụ phòng ngừa rủi ro và trong việc đánh giá hiệu quả phòng ngừa rủi ro và đo lường hiệu quả phòng ngừa rủi ro.

**Kế toán phòng ngừa rủi ro giá trị hợp lý cho danh mục phòng ngừa rủi ro lãi suất**

AG 114 Đối với phòng ngừa rủi ro giá trị hợp lý của rủi ro lãi suất liên quan đến danh mục tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính, một đơn vị sẽ đáp ứng các yêu cầu của Chuẩn mực này nếu tuân thủ các quy trình được nêu trong các đoạn (a) - (i) và đoạn AG115-AG132 bên dưới.

1. Là một phần của quy trình quản lý rủi ro, đơn vị xác định danh mục các khoản mục có rủi ro lãi suất muốn phòng ngừa. Danh mục có thể chỉ bao gồm tài sản, chỉ có nợ phải trả hoặc cả tài sản và nợ phải trả. Đơn vị có thể xác định hai hoặc nhiều danh mục, trong trường hợp đó, đơn vị áp dụng hướng dẫn bên dưới cho từng danh mục riêng biệt.
2. Đơn vị phân tích danh mục vào các khoảng thời gian định giá lại dựa trên dự kiến, thay vì ngày hợp đồng, ngày định giá lại. Việc phân tích các khoảng thời gian định giá lại có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau, bao gồm lập lịch biểu cho dòng tiền cho các giai đoạn mà chúng dự kiến ​​sẽ xảy ra, hoặc sắp xếp các khoản tiền gốc đáng chú ý vào tất cả các giai đoạn cho đến khi việc định giá lại dự kiến ​​xảy ra.
3. Trên cơ sở phân tích này, đơn vị quyết định số tiền mà họ muốn phòng ngừa rủi ro. Đơn vị chỉ định một lượng tài sản hoặc nợ phải trả (nhưng không phải là số tiền ròng) từ danh mục được xác định bằng với số tiền mà đơn vị muốn chỉ định được phòng ngừa rủi ro là khoản mục được phòng ngừa rủi ro. Số tiền này cũng xác định thước đo tỷ lệ phần trăm được sử dụng để kiểm tra hiệu quả theo đoạn AG126 (b).
4. Đơn vị chỉ định rủi ro lãi suất được phòng ngừa. Rủi ro này có thể là một phần của rủi ro lãi suất trong mỗi khoản mục ở trạng thái phòng ngừa rủi ro, chẳng hạn như lãi suất tiêu chuẩn (ví dụ: LIBOR).
5. Đơn vị chỉ định một hoặc nhiều công cụ phòng ngừa rủi ro cho mỗi khoảng thời gian định giá lại.
6. Sử dụng các chỉ định được thực hiện trong các đoạn (c) - (e) ở trên, đơn vị đánh giá khi bắt đầu và trong các giai đoạn tiếp theo, liệu phòng ngừa rủi ro được dự kiến ​​sẽ có hiệu quả cao trong giai đoạn phòng ngừa rủi ro được chỉ định hay không.
7. Theo định kỳ, đơn vị đo lường sự thay đổi trong giá trị hợp lý của khoản mục được phòng ngừa rủi ro (như được chỉ định trong đoạn (c)) có thể quy cho rủi ro được phòng ngừa (như được chỉ định trong đoạn (d)), trên cơ sở các ngày định giá lại dự kiến được xác định trong đoạn (b). Với điều kiện là phòng ngừa rủi ro được xác định là có hiệu quả cao khi được đánh giá bằng cách sử dụng phương pháp đánh giá hiệu quả của đơn vị, đơn vị ghi nhận sự thay đổi trong giá trị hợp lý của khoản mục được phòng ngừa rủi ro là lãi hoặc lỗ trong một hoặc hai khoản mục riêng trong báo cáo về tình hình tài chính như được mô tả trong đoạn 89A. Sự thay đổi trong giá trị hợp lý không cần phải được phân bổ cho tài sản hoặc nợ phải trả riêng lẻ.
8. Đơn vị đo lường sự thay đổi trong giá trị hợp lý của (các) công cụ phòng ngừa rủi ro (như được chỉ định trong đoạn (e)) và ghi nhận nó là một khoản lãi hoặc lỗ trong lợi nhuận hoặc lỗ. Giá trị hợp lý của (các) công cụ phòng ngừa rủi ro được ghi nhận là một tài sản hoặc trong báo cáo tình hình tài chính.
9. Bất kỳ sự kém hiệu quả nào sẽ được ghi nhận vào lãi hoặc lỗ vì sự khác biệt giữa sự thay đổi trong giá trị hợp lý được đề cập trong đoạn (g) và đoạn (h).

AG 115 Cách tiếp cận này được mô tả chi tiết hơn tại bên dưới đây. Cách tiếp cận chỉ được áp dụng cho một phòng ngừa rủi ro giá trị hợp lý của rủi ro lãi suất liên quan đến danh mục tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính.

AG 116 Danh mục được xác định trong đoạn AG114 (a) có thể bao gồm tài sản và nợ phải trả. Ngoài ra, một danh mục có thể chỉ bao gồm tài sản, hoặc chỉ bao gồm nợ phải trả. Danh mục được sử dụng để xác định giá trị tài sản hoặc nợ phải trả mà đơn vị muốn phòng ngừa rủi ro. Tuy nhiên, bản thân danh mục không được chỉ định là khoản mục được phòng ngừa rủi ro.

AG 117 Khi áp dụng đoạn AG114 (b), đơn vị xác định ngày định giá lại dự kiến ​​của một khoản mục là sớm hơn ngày mà khoản mục đó dự kiến ​​sẽ đáo hạn hoặc định giá lại lãi suất thị trường. Ngày định giá lại dự kiến ​​được ước tính khi bắt đầu của phòng ngừa rủi ro và trong suốt thời hạn của phòng ngừa rủi ro, dựa trên kinh nghiệm định giá lại và thông tin có sẵn khác, bao gồm thông tin và kỳ vọng về tỷ lệ trả trước, lãi suất và sự tương tác giữa chúng. Các đơn vị không có kinh nghiệm cụ thể hoặc không đủ kinh nghiệm sử dụng kinh nghiệm nhóm ngang hàng cho các công cụ tài chính tương đương. Những ước tính này được xem xét định kỳ và cập nhật theo kinh nghiệm. Trong trường hợp một khoản mục có mức giá cố định có thể trả trước, ngày định giá lại dự kiến ​​là ngày mà khoản mục đó dự kiến ​​sẽ trả trước trừ khi nó định giá lại giá thị trường vào một ngày trước đó. Đối với một nhóm các khoản mục tương tự, việc phân tích thành các khoảng thời gian dựa trên ngày định giá lại dự kiến ​​có thể có hình thức phân bổ tỷ lệ phần trăm của nhóm, thay vì từng mục riêng lẻ cho từng khoảng thời gian. Một đơn vị có thể áp dụng các phương pháp khác nhau cho các mục đích phân bổ như vậy. Ví dụ, nó có thể sử dụng hệ số nhân tỷ lệ trả trước cho phân bổ các khoản vay trả dần cho các khoảng thời gian dựa trên ngày định giá lại dự kiến. Tuy nhiên, phương pháp phân bổ như vậy phải tuân theo các quy trình và mục tiêu quản lý rủi ro của đơn vị.

AG 118 Như một ví dụ về việc chỉ định được nêu trong đoạn AG114 (c), nếu trong một khoảng thời gian định giá lại cụ thể, một đơn vị ước tính rằng đơn vị có tài sản có lãi suất cố định là CU100 và các khoản nợ phải trả có lãi suất cố định là CU80 và đơn vị quyết định phòng ngừa rủi ro tất cả trạng thái ròng của CU20 thì đơn vị được chỉ định là tài sản được phòng ngừa rủi ro với giá trị là CU20 (một phần của tài sản). Chỉ định được biểu thị bằng số tiền theo một loại tiền tệ (ví dụ: một lượng đô la, euro, bảng Anh hoặc rand) chứ không phải là một tài sản riêng lẻ. Theo đó, tất cả các tài sản (hoặc nợ phải trả) mà từ đó giá trị được phòng ngừa rủi ro được rút ra, tức là tất cả giá trị CU100 của các tài sản trong ví dụ trên phải là:

1. các khoản mục có giá trị hợp lý thay đổi để đáp ứng với các thay đổi về lãi suất được phòng ngừa; và
2. các khoản mục có thể đủ điều kiện cho kế toán phòng ngừa rủi ro giá trị hợp lý nếu các khoản mục đó được chỉ định là phòng ngừa rủi ro riêng lẻ. Cụ thể, vì IFRS 13 chỉ định rằng giá trị hợp lý của một khoản nợ phải trả tài chính có đặc điểm không kỳ hạn (như tiền gửi không kỳ hạn và một số loại tiền gửi có kỳ hạn) không thấp hơn số tiền phải trả theo yêu cầu, được chiết khấu từ ngày đầu tiên mà số tiền có thể được yêu cầu thanh toán, một khoản mục như vậy không thể đủ điều kiện cho kế toán phòng ngừa rủi ro giá trị hợp lý cho bất kỳ khoảng thời gian nào ngoài khoảng thời gian ngắn nhất mà chủ sở hữu có thể yêu cầu thanh toán. Trong ví dụ trên, trạng thái được phòng ngừa rủi ro là một lượng tài sản. Do đó, các khoản nợ như vậy không phải là một phần của khoản mục được phòng ngừa rủi ro được chỉ định, nhưng được đơn vị sử dụng để xác định số lượng tài sản được chỉ định được phòng ngừa. Nếu khoản mục mà đơn vị muốn phòng ngừa là một khoản nợ phải trả thì số tiền đại diện cho khoản mục được phòng ngừa rủi ro được chỉ định phải được rút ra từ các khoản nợ phải trả có lãi suất cố định khác với các khoản nợ mà đơn vị có thể được yêu cầu trả trong một khoảng thời gian trước đó và tỷ lệ phần trăm được sử dụng để đánh giá hiệu quả phòng ngừa rủi ro theo đoạn AG126 (b) sẽ được tính bằng tỷ lệ phần trăm của các khoản nợ khác này. Ví dụ, giả sử rằng một đơn vị ước tính rằng trong một khoảng thời gian định giá lại cụ thể, đơn vị có các khoản nợ lãi suất cố định là CU100, bao gồm CU40 tiền gửi không kỳ hạn và CU60 của các khoản nợ có kỳ hạn và CU70 tài sản có lãi suất cố định. Nếu đơn vị quyết định phòng ngừa rủi ro tất cả các trạng thái ròng của CU30, thì đơn vị chỉ định là các khoản nợ phải trả của khoản mục được phòng ngừa rủi ro là CU30 hoặc 50% các khoản nợ phải trả có kỳ hạn.

AG 119 Đơn vị cũng tuân thủ các yêu cầu về cung cấp tài liệu và chỉ định khác được nêu trong đoạn 88 (a). Đối với rủi ro lãi suất danh mục, việc chỉ định và cung cấp tài liệu này trình bày chính sách đơn vị sử dụng cho tất cả các biến số để xác định giá trị được phòng ngừa rủi ro và mức độ hiệu quả được tính toán, bao gồm:

1. tài sản và nợ phải trả nào được đưa vào danh mục phòng ngừa rủi ro và cơ sở được sử dụng để loại bỏ chúng khỏi danh mục.
2. làm cách nào để đơn vị ước tính ngày định giá lại, bao gồm các giả định lãi suất làm cơ sở cho các ước tính về tỷ lệ trả trước và cơ sở để thay đổi các ước tính đó. Phương pháp tương tự được sử dụng cho cả các ước tính ban đầu được thực hiện tại thời điểm một tài sản hoặc nợ phải trả được đưa vào danh mục được phòng ngừa rủi ro và cho bất kỳ sửa đổi nào sau này đối với các ước tính đó.
3. số lượng và thời lượng của các khoảng thời gian định giá lại.
4. tần suất đơn vị sẽ kiểm tra tính hiệu quả và phương pháp nào trong hai phương pháp trong đoạn AG126 sẽ sử dụng.
5. phương pháp được sử dụng bởi đơn vị để xác định giá trị tài sản hoặc nợ phải trả được chỉ định là khoản mục được phòng ngừa rủi ro và theo đó, cách đo lường tỷ lệ phần trăm được sử dụng khi đơn vị kiểm tra tính hiệu quả bằng cách sử dụng phương pháp được mô tả trong đoạn AG126 (b).
6. khi đơn vị kiểm tra tính hiệu quả bằng phương pháp được mô tả trong đoạn AG126 (b), liệu đơn vị sẽ kiểm tra hiệu quả cho từng khoảng thời gian định giá lại riêng lẻ, cho tất cả các khoảng thời gian gộp chung, hoặc bằng cách sử dụng kết hợp cả hai phương pháp.

Các chính sách được áp dụng cụ thể trong chỉ định và ghi lại mối quan hệ phòng ngừa rủi ro phải tuân theo các thủ tục và mục tiêu quản lý rủi ro của đơn vị. Các thay đổi trong chính sách không được thực hiện một cách tùy tiện. Các thay đổi này sẽ được xác minh dựa trên những thay đổi trong điều kiện thị trường và các yếu tố khác, các thay đổi này được hình thành và phù hợp với các quy trình và mục tiêu quản lý rủi ro của đơn vị.

AG 120 Công cụ phòng ngừa rủi ro được đề cập trong đoạn AG114(e) có thể là một công cụ phái sinh duy nhất hoặc một danh mục các công cụ phái sinh, tất cả đều có rủi ro lãi suất được phòng ngừa rủi ro được chỉ định trong đoạn AG114 (d) (ví dụ: một danh mục của các hợp đồng hoán đổi lãi suất tất cả bao gồm rủi ro LIBOR). Một danh mục các công cụ phái sinh như vậy có thể bù trừ các trạng thái rủi ro. Tuy nhiên, nó có thể không bao gồm các quyền chọn, bởi vì Chuẩn mực này không cho phép các quyền chọn đó được chỉ định làm công cụ phòng ngừa rủi ro (trừ khi quyền chọn đã được bán được chỉ định là phần bù trừ cho quyền chọn đã được mua). Nếu công cụ phòng ngừa rủi ro cho số tiền được chỉ định trong đoạn AG114 (c) trong thời gian lớn hơn khoảng thời gian định giá lại, thì công cụ đó được phân bổ cho tất cả các khoảng thời gian mà nó phòng ngừa. Tuy nhiên, toàn bộ công cụ phòng ngừa rủi ro phải được phân bổ cho các khoảng thời gian định giá lại đó bởi vì Chuẩn mực này không cho phép mối quan hệ phòng ngừa rủi ro chỉ được chỉ định trong một phần của khoảng thời gian mà công cụ phòng ngừa rủi ro vẫn còn tồn tại.

AG 121 Khi đơn vị đo lường sự thay đổi trong giá trị hợp lý của một khoản mục có thể trả trước theo đoạn AG114 (g), sự thay đổi về lãi suất ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của khoản mục trả có thể trước theo hai cách: ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của dòng tiền hợp đồng và giá trị hợp lý của quyền chọn trả trước được bao gồm trong một khoản trả trước. Đoạn 81 của chuẩn mực cho phép một đơn vị chỉ định một phần tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính, chia sẻ rủi ro chung, như khoản mục được phòng ngừa rủi ro, hiệu quả đưa ra có thể tính toán được. Đối với các khoản có thể trả trước, đoạn 81A cho phép đạt được điều này bằng cách chỉ định khoản mục được phòng ngừa rủi ro theo sự thay đổi của giá trị hợp lý có thể quy cho các thay đổi về lãi suất được chỉ định trên cơ sở ngày định giá lại dự kiến, thay vì dựa trên cơ sở hợp đồng. Tuy nhiên, ảnh hưởng của những thay đổi trong lãi suất được phòng ngừa rủi ro đối với những ngày định giá lại dự kiến ​​sẽ được đưa vào khi xác định thay đổi trong giá trị hợp lý của khoản mục được phòng ngừa rủi ro. Do đó, nếu ngày định giá lại dự kiến ​​được sửa đổi (ví dụ: để phản ánh sự thay đổi trong khoản trả trước dự kiến) hoặc nếu ngày định giá lại thực tế khác với ngày dự kiến, thì sẽ không hiệu quả như được mô tả trong đoạn AG126. Ngược lại, những thay đổi trong ngày định giá lại dự kiến ​​mà (a) rõ ràng phát sinh từ các yếu tố khác với thay đổi của lãi suất được phòng ngừa rủi ro, (b) không tương thích với những thay đổi của lãi suất được phòng ngừa rủi ro và (c) có thể được tách ra một cách đáng tin cậy từ những thay đổi có thể quy cho lãi suất được phòng ngừa rủi ro (ví dụ: thay đổi trong tỷ lệ trả trước rõ ràng phát sinh từ sự thay đổi trong các yếu tố nhân khẩu học hoặc quy định về thuế thay vì thay đổi trong lãi suất) được loại trừ khi xác định thay đổi giá trị hợp lý của khoản mục được phòng ngừa rủi ro, bởi vì chúng không được quy cho rủi ro được phòng ngừa. Nếu có sự không chắc chắn về yếu tố dẫn đến thay đổi ngày định giá lại dự kiến ​​hoặc đơn vị không thể tách rời một cách đáng tin cậy những thay đổi phát sinh từ lãi suất được phòng ngừa từ những yếu tố phát sinh từ các yếu tố khác, thì sự thay đổi được cho là phát sinh từ thay đổi trong lãi suất được phòng ngừa rủi ro.

AG 122 Chuẩn mực này không chỉ định các kỹ thuật được sử dụng để xác định số tiền được đề cập trong đoạn AG114 (g), cụ thể là thay đổi trong giá trị hợp lý của khoản mục được phòng ngừa rủi ro có thể quy cho rủi ro được phòng ngừa. Nếu các kỹ thuật ước tính hoặc thống kê khác được sử dụng để đo lường, ban điều hành phải dự kiến kết quả gần đúng với số liệu có thể thu được từ việc tính toán tất cả các tài sản riêng lẻ hoặc nợ phải trả tạo nên khoản mục được phòng ngừa rủi ro. Điều này là không phù hợp để giả định rằng những thay đổi trong giá trị hợp lý của khoản mục được phòng ngừa rủi ro bằng với các thay đổi trong giá trị của công cụ phòng ngừa rủi ro.

AG 123 Đoạn 89A yêu cầu rằng nếu khoản mục được phòng ngừa rủi ro trong một khoảng thời gian định giá lại cụ thể là một tài sản, thì sự thay đổi giá trị của nó được thể hiện trong một khoản mục riêng biệt trong tài sản. Ngược lại, nếu khoản mục được phòng ngừa rủi ro trong một khoảng thời gian định giá lại cụ thể là một khoản nợ, thì sự thay đổi trong giá trị của nó được thể hiện trong một khoản mục riêng biệt trong nợ phải trả. Đây là các khoản mục riêng biệt được đề cập trong đoạn AG114 (g). Việc phân bổ cụ thể cho tài sản riêng lẻ (hoặc nợ phải trả riêng lẻ) là không cần thiết.

AG 124 Đoạn AG114 (i) lưu ý rằng tính không hiệu quả phát sinh đến mức thay đổi giá trị hợp lý của khoản mục được phòng ngừa rủi ro có thể quy cho rủi ro được phòng ngừa rủi ro khác với thay đổi trong giá trị hợp lý của công cụ phòng ngừa rủi ro. Một sự khác biệt như vậy có thể phát sinh vì một số lý do, bao gồm:

1. ngày định giá lại thực tế khác với ngày dự kiến ​​hoặc ngày dự kiến ​​sẽ được sửa đổi;
2. các khoản mục trong danh mục đầu tư được phòng ngừa rủi ro trở nên suy yếu hoặc bị dừng ghi nhận;
3. ngày thanh toán của công cụ phòng ngừa rủi ro khác với khoản mục được phòng ngừa rủi ro khác nhau; và
4. các nguyên nhân khác (ví dụ: khi một số khoản mục được phòng ngừa chịu lãi suất thấp hơn tỷ lệ chuẩn mà chúng được chỉ định là được phòng ngừa rủi ro và dẫn đến tính hiệu quả không đủ lớn để toàn bộ danh mục đầu tư không đủ điều kiện kế toán phòng ngừa rủi ro).

Việc không hiệu quả như vậy sẽ được xác định và ghi nhận vào lãi hoặc lỗ.

AG 125 Nói chung, hiệu quả của phòng ngừa rủi ro sẽ được cải thiện:

1. nếu đơn vị sắp xếp các khoản mục với các đặc điểm trả trước khác nhau theo cách tính dẫn đến sự khác biệt trong việc trả trước.
2. khi số lượng các khoản mục trong danh mục đầu tư lớn hơn. Khi danh mục chỉ có một vài khoản mục, khả năng kém hiệu quả tương đối cao có thể xảy ra nếu một trong các khoản mục trả trước sớm hơn hoặc muộn hơn dự kiến. Ngược lại, khi danh mục đầu tư chứa nhiều khoản mục, việc trả trước có thể được dự đoán chính xác hơn.
3. khi các khoảng thời gian định giá lại được sử dụng hẹp hơn (ví dụ: 1 tháng so với các khoảng thời gian định giá lại 3 tháng). Khoảng thời gian định giá lại ngắn hơn làm giảm ảnh hưởng của bất kỳ sự không khớp nào giữa ngày định giá lại và ngày thanh toán (trong khoảng thời gian định giá lại) của khoản mục được phòng ngừa rủi ro và các công cụ phòng ngừa rủi ro.
4. tần suất của công cụ phòng ngừa rủi ro được điều chỉnh để phản ánh các thay đổi trong khoản mục được phòng ngừa rủi ro (ví dụ: do thay đổi trong kỳ vọng trả trước) càng lớn.

AG 126 Một đơn vị kiểm tra tính hiệu quả định kỳ. Nếu các ước tính của ngày định giá lại thay đổi giữa một ngày mà đơn vị đánh giá hiệu quả và ngày tiếp theo, thì nó sẽ tính toán mức độ hiệu quả:

1. là sự khác biệt giữa thay đổi giá trị hợp lý của công cụ phòng ngừa rủi ro (xem đoạn AG114 (h)) và thay đổi giá trị của toàn bộ khoản mục được phòng ngừa rủi ro có thể quy cho sự thay đổi của lãi suất phòng ngừa rủi ro (bao gồm cả ảnh hưởng rằng những thay đổi trong lãi suất được phòng ngừa rủi ro có giá trị hợp lý của bất kỳ quyền chọn trả trước nào); hoặc là
2. sử dụng những ước lượng sau. Đơn vị:

(i) tính tỷ lệ phần trăm của tài sản (hoặc nợ phải trả) trong mỗi khoảng thời gian định giá lại được phòng ngừa rủi ro, trên cơ sở ngày tính toán ước tính vào ngày cuối cùng mà đơn vị đã kiểm tra tính hiệu quả.

(ii) áp dụng tỷ lệ phần trăm này cho ước tính sửa đổi của số tiền trong khoảng thời gian định giá lại đó để tính toán số lượng khoản mục được phòng ngừa rủi ro dựa trên ước tính sửa đổi của nó.

(iii) tính toán sự thay đổi giá trị hợp lý của ước tính sửa đổi của nó đối với khoản mục được phòng ngừa rủi ro có thể quy cho rủi ro phòng ngừa rủi ro và trình bày nó như được nêu trong đoạn AG114 (g).

(iv) dừng ghi nhận sự kém hiệu quả bằng với chênh lệch giữa số tiền được xác định trong (iii) và thay đổi giá trị hợp lý của công cụ phòng ngừa rủi ro (xem đoạn AG114 (h)).

AG 127 Khi đo lường hiệu quả, đơn vị phân biệt các sửa đổi với ngày định giá ước tính của tài sản hiện tại (hoặc nợ phải trả) với sự hình thành của tài sản mới (hoặc nợ phải trả), chỉ trong trường hợp này không đem lại hiệu quả. Tất cả các sửa đổi đối với ngày định giá lại ước tính (trừ những ngày được loại trừ theo đoạn AG121), bao gồm mọi sự phân bổ lại các mục hiện có giữa các khoảng thời gian, được bao gồm khi sửa đổi số tiền ước tính trong khoảng thời gian theo đoạn AG126 (b) (ii) và do đó khi đo lường hiệu quả. Khi việc không đạt được hiệu quả đã được công nhận như đã nêu ở trên, đơn vị sẽ thiết lập một ước tính mới về tổng tài sản (hoặc nợ phải trả) trong mỗi khoảng thời gian định giá lại, bao gồm cả tài sản mới (hoặc nợ phải trả) đã được bắt nguồn từ lần kiểm tra hiệu quả cuối cùng và chỉ định số tiền mới là khoản mục được phòng ngừa rủi ro và tỷ lệ phần trăm mới là tỷ lệ phần trăm được phòng ngừa rủi ro. Các quy trình được nêu trong đoạn AG126 (b) sau đó được thực hiện lại vào ngày tiếp theo, đơn vị kiểm tra tính hiệu quả.

AG 128 Các khoản mục ban đầu được lên kế hoạch trong một khoảng thời gian định giá lại có thể bị dừng ghi nhận do việc trả trước diễn ra sớm hơn so với kỳ vọng, do suy giảm giá trị hoặc bị bán đi. Khi điều này xảy ra, giá trị thay đổi trong giá trị hợp lý được bao gồm trong chi tiết khoản mục riêng biệt được đề cập trong đoạn AG114 (g) liên quan đến khoản mục bị dừng ghi nhận sẽ bị xóa khỏi báo cáo tài chính và được bao gồm trong khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do dừng ghi nhận các khoản mục. Với mục đích này, cần phải biết (các) khoảng thời gian định giá lại trong đó khoản mục bị dừng ghi nhận đã được sắp xếp, bởi vì điều này xác định (các) khoảng thời gian định giá lại để loại bỏ và do đó số tiền cần xóa khỏi khoản mục hàng riêng biệt được đề cập trong đoạn AG114 (g). Khi một khoản mục được dừng ghi nhận, nếu có thể xác định trong khoảng thời gian nó được bao gồm, thì khoản mục đó sẽ bị xóa khỏi khoảng thời gian đó. Nếu không, nó sẽ bị xóa khỏi khoảng thời gian sớm nhất nếu việc dừng ghi nhận xuất phát từ khoản trả trước cao hơn dự kiến ​​hoặc được phân bổ cho tất cả các khoảng thời gian có chứa khoản mục bị dừng ghi nhận trên cơ sở có hệ thống và hợp lý nếu khoản mục đó bị bán hoặc bị suy yếu.

AG 129 Ngoài ra, bất kỳ số tiền nào liên quan đến một khoảng thời gian cụ thể dừng ghi nhận khi hết thời gian thì được ghi nhận vào lãi hoặc lỗ tại thời điểm đó (xem đoạn 89A). Ví dụ: giả sử một đơn vị lập kế hoạch các khoản mục thành ba khoảng thời gian định giá lại. Ở lần tái chỉ định trước đó, sự thay đổi trong giá trị hợp lý được báo cáo trong chi tiết khoản mục riêng biệt trong báo cáo về tình hình tài chính là một tài sản có giá trị CU25. Số tiền đó thể hiện số tiền quy cho các giai đoạn 1, 2 và 3 của CU7, CU8 và CU10, tương ứng. Ở lần tái thiết kế tiếp, các tài sản phân bổ cho giai đoạn 1 đã được hiện thực hóa hoặc sắp xếp lại thành các giai đoạn khác. Do đó, CU7 được dừng ghi nhận từ báo cáo của tình hình tài chính và được ghi nhận vào lãi hoặc lỗ. CU8 và CU10 hiện được phân bổ tương ứng cho các giai đoạn 1 và 2, tương ứng. Các giai đoạn còn lại sau đó được điều chỉnh, khi cần thiết, cho những thay đổi về giá trị hợp lý như được mô tả trong đoạn AG114(g).

AG 130 Như một minh họa về các yêu cầu của hai đoạn trước, giả sử rằng một đơn vị được sắp xếp tài sản bằng cách phân bổ tỷ lệ phần trăm của danh mục đầu tư vào mỗi khoảng thời gian định giá lại. Giả sử rằng đơn vị đã sắp xếp CU100 vào từng giai đoạn trong hai giai đoạn đầu tiên. Khi khoảng thời gian định giá lại đầu tiên hết hạn, CU110 của tài sản được dừng ghi nhận vì các khoản hoàn trả dự kiến ​​và không dự kiến. Trong trường hợp này, tất cả số tiền có trong chi tiết khoản mục riêng biệt được đề cập trong đoạn AG114 (g) liên quan đến khoảng thời gian đầu tiên bị xóa khỏi báo cáo tình hình tài chính, cộng thêm 10% số tiền liên quan đến khoảng thời gian thứ 2.

AG 131 Nếu giá tiền được phòng ngừa rủi ro trong khoảng thời gian định giá lại bị giảm mà không có tài sản (hoặc nợ phải trả) liên quan bị loại bỏ, thì số tiền được bao gồm trong chi tiết khoản mục riêng biệt được đề cập trong đoạn AG114 (g) mà liên quan đến việc giảm sẽ được khấu hao theo đoạn 92.

AG 132 Một đơn vị có thể muốn áp dụng cách tiếp cận được nêu trong đoạn AG114-AG131 cho một phòng ngừa rủi ro trước đây được hạch toán như một phòng ngừa rủi ro theo IAS 39. Một đơn vị như vậy sẽ thu hồi trước đó chỉ định một dòng tiền được phòng ngừa rủi ro theo đoạn 101 (d) và áp dụng các yêu cầu được nêu trong đoạn đó. Đơn vị cũng sẽ tái chỉ định phòng ngừa rủi ro giá trị hợp lí như giá trị hợp lý phòng ngừa rủi ro và áp dụng cách tiếp cận được nêu trong đoạn AG114-AG131 cho các kỳ kế toán tiếp theo.

**Sự chuyển đổi (đoạn 103-108C)**

AG 133 Một đơn vị có thể đã chỉ định một giao dịch nội bộ có thể xảy ra trong tương lai là một khoản mục được phòng ngừa rủi ro khi bắt đầu kỳ kế toán năm vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2005 (hoặc với mục đích trình bày lại thông tin so sánh, bắt đầu giai đoạn so sánh trước đó) trong một phòng ngừa rủi ro sẽ đủ điều kiện cho kế toán phòng ngừa rủi ro theo chuẩn mực này (được sửa đổi bởi câu cuối cùng của đoạn 80). Một đơn vị như vậy có thể sử dụng chỉ định đó để áp dụng kế toán phòng ngừa rủi ro trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2005 (hoặc bắt đầu giai đoạn so sánh trước đó). Một đơn vị như vậy cũng sẽ áp dụng các đoạn AG99A và AG99B từ khi bắt đầu kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2005. Tuy nhiên, theo đoạn 108B, đơn vị không cần áp dụng đoạn AG99B cho thông tin so sánh cho các giai đoạn trước.

1. IFRIC 9 được thay thế bởi IFRS 9 Công cụ tài chính, ban hành tháng 10 năm 2010. [↑](#footnote-ref-2)